Phần Mở Đầu

Kinh Tạp A-Hàm (HT Thiện Siêu & HT Thanh Từ - VNC PHVN, 2022)

TAM TẠNG THÁNH ĐIÊN 4S SX

PHẬT GIÁO w NAM %

M0 :>

ỉỷ í^ ^

VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM

TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN PHẬT GIÁO VIỆT NAM

TAM TẠNG PHẬT GIÁO BÔ PHÁI Ỏ4

KINH TẠP A-HÀM

Việt dịch Hòa thương THÍCH THIỆN SIÊU Hòa thượng THÍCH THANH TỪ

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ Hổ CHÍ MINH

NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO SAMMĀSAMBUDDHASSA THÀNH KÍNH ĐẢNH LỄ ĐỨC THẾ TÔN, BẬC ỨNG CÚNG, CHÁNH ĐẲNG GIÁC

HỒI ĐỒNG CHỨNG MINH
(Nhiệm kỳ 2017-2022)
PHÁP CHỦ GIÁO HÔI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH PHỔ TUỆ
PHÓ PHÁP CHỦ GIÁO HÔI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH TRÍ QUẢNG
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH GIÁC NHƯỜNG
. Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH DŨNG
• Trưởng lão Hòa thượng DƯƠNG NHƠN
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH ĐÀM
. Trưởng lão Hòa thượng THÍCH ĐỨC NGHIỆP
. Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH TỪ
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THIỆN DUYÊN
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH TRÍ TỊNH
HỒI ĐỒNG CHỈ ĐẠO PHIÊN DỊCH

. Hòa thượng THÍCH THIỆN NHƠN
-Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN
. Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN
-Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN
-Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam
• Hòa thượng Tiến sĩ THÍCH GIA QUANG

-Phổ Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN
-Viện trưởng Phăn viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Hà Nội
. Giáo sư Tiến sĩ LÊ MẠNH THÁT
-Cố vấn Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam
BAN BIÊN TẬP & ẨN HÀNH TAM TẠNG PHẠT GIÁO Bô PHÁI

•Trưởng ban -Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN

•Phó Trưởng ban
-Giáo sư Tiến sĩ LÊ MẠNH THÁT
-Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH TÂM ĐỨC
-Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH ĐỨC THIỆN
•Tổng Biên tập
-Hòa thượng Tiến sĩ THÍCH MINH THÀNH
-Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH NHẬT TỪ
•Phó Tổng Biên tập
. Hòa thượng THÍCH PHƯỚC CẨN
-Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH HẠNH BÌNH
-Thượng tọa Thạc sĩ THÍCH CHÚC PHÚ
•Thư ký Biên tập
-Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH GIÁC HOÀNG •ủy viên Biên tập
-Hoa thượng THrcH thông thiền
. Thượng tọa THÍCH THIỆN THUẬN
. Thượng tọa THÍCH NGUYÊN HUNG
-Thượng tọa THÍCH NGUYÊN TRANG
-Ni sư Tiến sĩ THÍCH NỮ LIÊN HÒA
•Trưởng ban Tài chánh -Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH PHƯỚC TIẾN

LỜI CHÚNG MINH

Nam-mô Bản Sư Thích-ca Mâu-ni Phật 7 ỉ "l 9 LC l . 7 , 9 Trong Kỉnh Hoa Nghiêm có ghi: "Phật dĩ nhát nhát thân, xứ xứ chuyên pháp luâri',nghĩa là đức
Phật luôn dùng tất cả hóa thân của mình, ở mọi nơi mọi chôn chuyên bánh xe pháp. Thật hoan hỷ9 tinh thần chuyển bánh xe pháp của đức Phật đã và đang được chư Tôn đức Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam triển khai một cách hiệu quả. Đặc biệt, trên phương diện hoằng truyền kinh điển, chư Tôn đức đã có những định hướng đúng đắn cho Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tiến hành phiên dịch, san định, ân tông Kinh, Luật, Luận, Sớ giải có nguồn góc từ tạng Pali, Sanskrit, Hán cổ và các ngôn ngữ khác. Khi nghiên cứu, hoằng truyền kinh điển, nhà Phật thường có câu: "Dĩ Thánh giáo vỉ minh cảnh chiếu kiến tự tăm, dĩ tự tăm vỉ trí đăng chiếu kinh u chr ,nghĩa là lấy Phật pháp làm tấm gương sáng soi vào tự tâm,
lấy tự tâm làm ngọn đèn trí soi tỏ chỗ thâm sâu của kinh điển. Những Phật sự được chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đã và đang thực hiện, thực sự là

những việc làm trân quý. Việc áy không chỉ lam sáng ban tâm cua môi hanh giả nghiên cưu ma con chuyên hóa lời Phật dạy một cách dễ hiểu, dễ học? dễ hành, gần gũi với cuộc sống đời thường. Thông qua đó5 môi hành giả có được cách tiêp cận, tu tập, thực hành lời Phật dạy, thành tựu nhiều kết quả hơn. Từ việc nghiên cứu kinh điển, nhìn lại Phật giáo Việt Nam, chúng ta mới thấy, Phật giáo Việt Nam với chiều dài lịch sử trên dưới 2000 năm đồng hành cùng dân tộc, đã tạo nên những giá trị Phật giáo đặc biệt, đóng vai trò trụ cột trong việc gìn giữ nên văn hóa Việt thời kỳ 1000 năm Bác thuộc, làm cho dân tộc Việt Nam trở nên vĩ đại nhất trong lịch sử phong kiến nước nhà vào thời đại Lý - Trần, vẫn đang tiếp tục đồng hành cùng đất nước trong thời kỳ hội nhập với phương châm "Dạo pháp - Dân tQC." Chính vì vậy? những Phật sự của chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đang thực hiện có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc "kế vãng khai lai, truyền trì đạo mạch", không chỉ làm cho Phật pháp xương minh, trường tồn ở thế gian mà còn góp phần làm cho

viii KINH TẠP A-HÀM

Phật giáo Việt Nam tiếp nối truyền thống tốt đẹp từ ngàn xưa, phát triển lên một tầm cao mới. Hy vọng mỗi hành giả chúng ta nỗ lực hơn nữa để thành tựu giải thoát và hoàn thành sứ mệnh "Tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự." Nguyện cầu Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyển, thế giới hòa bình, nhân dân an lạc. Nam-mô Hoan Hỷ Tạng Bồ-tát, tác đại chứng minh.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 -DL.2019 Trưởng lão Hòa thương THÍCH PHỔ TUỆ (Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam)

LỜI GIỚI THIỆU

hay mặt Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tôi tán dương Hội

T đồng Quản trị Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, đặc biệt là Ban Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam đã hoan hỷ đảm trách nhiệm vụ phiên dịch, biên tập và ấn hành bộ Thánh điển thiêng liêng này. Phiên dịch Kinh, Luật, Luận từ các ngôn ngữ Phật học (Pali, Sanskrit, Hán cổ) ra tiếng Việt là trách nhiệm cao quý của Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (VNCPHVN) do Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu thành lập năm 1989, nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học hỏi và thực tập Phật pháp của hàng triệu Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước. 1. về thuật ngữ Tôi tán đồng cách Hội đồng Quản trị VNCPHVN thay đổi cụm từ "Đại tạng kinh Việt Nanỉ\ vôn chịu ảnh hưởng từ cách đặt tựa tác phàm của Phật giáo Trung Quốc, thành "Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Narrf \ nhằm thể hiện bản sắc văn học Phật giáo Việt Nam, đồng thời thích ứng với cách đặt tên phô biên của cộng đông Phật giáo thê giới hiện nay. Khái niệm “Bại tạng kinh” chỉ đề cập đến “Kinh tạng99 (P. Sutta Pitaka. H.)tức kho tàng Chân lý, trong khi khái niệm "Tam tạng Thánh điển Phật giáo" có nội hàm rộng hơn, bao quát hơn; đó là ngoài kho tàng Chân lý còn có kho tàng Đạo đức (P. Vinaya Pitaka, H.Luật tạng), kho tàng Triết học tâm (P. Abhỉdhamma Pitaka, H.? Luận tạng), Văn học Chú giải (P. Atthakathaṃ. Văn học Phụ chú giải (P. Tĩkã), Văn học Tục tạng (các tác phẩm Phật học và văn học Phật giao Việt Nam).* Tam tạng Thánh

điển Phật giáo Việt Nam bao gom các tuyển tập Tam tạng Phật giáo Thượng Tọa bộ (ảnh hưởng các nước Ấn Độ5 Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia), Tam tạng Phật giáo Bộ phái, Tam tạng Phật giáo Đại thừa (ảnh hưởng Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Đại Hàn, Tây Tạng), Văn học Sớ giải, Văn học Tông phái Phật giáo và Văn học Phật giáo Việt Nam, v.v... 2. về Văn học sử Phật giáo "Thánh điển Phật giáo" là khái niệm chỉ cho tuyển tập những lời dạy của đức Phật trong 45 năm (theo Phật giáo Nam truyền) hay 49 năm (theo Phật giáo

x KINH TẠPA-HÀM

Bắc truyền) truyền bá Chân lý (P. Dhammaṃ s. Dharma. H.Pháp), Đạo đức (P=S Vinctya, H.Giới luật), và Các pháp siêu việt (P. Abhidhamma, s. Abhidharma, H.5 Vô tỷ pháp). Thánh điên Phật giáo được truyên thừa qua hình thức khâu truyên, được cho là bằng ngon ngữ Pali từ thời đức Phật (khoảng thế kỷ VI-V TTL) và lim truyền qua ba lần kết tập kinh điển tại Ấn Độ. Đen Đại hội Kết tập kinh điển lần thứ tư tại Tích Lan (khoảng thế kỷ I TTL)? Thánh điển được viết trên lá bối và lưu truyền đến ngày nay. Hai tác phẩm Đảo sử (Dīpavamsa) và Đại sử {Mahāvamsa) đều ghi nhận rằng trong triều đại Valagamba (29-17 TTL) tại Anuradhapura, Tích Lan, các cao Tăng thuộc làu Tam tạng Pali bắt đầu viết kinh Phật trên lá bối để giữ gìn và truyền bá lời Phật dạy một cách hiệu quả hơn. Theo các nhà Đại thừa, cũng vào thế kỷ I TTL trở di, kinh điển Đại thừa bằng tiếng Sanskrit lần lượt ra đời. Ngoài các bản kinh Đại thừa quan trọng tồn tại với ấn bản Sanskrit, phần lớn văn học Phật giáo Đại thừa được lưu giữ qua 9 : • -« o -J X -

các bản dịch Hán cô, được các vua chúa, đại thí chủ lưu bô qua các bản chép tay, khác trên đá, khác trên gô, và vê sau biên tập thành các Đại tạng kinh mang tầm vóc quốc gia ở Trung Hoa; còn tiếng Tây Tạng cổ5 được biên tập thành Kinh điển Phật giáo Tây Tạng (Tibetan Buddhist Canori) gom hai tạng Kangyur (Kinh - Luật tạng gồm 100 bộ) và Tengyur (Luận tạng gồm 213 bộ). 3. về phương diện lịch sử Hơn 10 thế kỷ (từ thế kỷ I-X) bị Trung Quốc đô hộ, người Việt Nam đã sử dụng Đại tạng kinh Trung Hoa bằng Hán cổ và cho đến những thế kỷ sau. Giai đoạn 80 năm Pháp thuộc (1867-1945), người Việt lại buộc phải sử dụng tiếng Việt La-tinh hóa nên chữ Hán Nôm mất dần vị trí ngôn ngữ chính thống. Đứng trước nhu câu thích nghi với quôc ngữ mới, các cao Tăng Việt Nam quyêt định phiên dịch kinh điển từ Hán cổ ra tiếng Việt La-tinh để phổ biến lời Phật dạy rộng rãi hơn, vì đại đa số người Việt trong thời Pháp thuộc không đọc được chữ Hán Nôm. J J ___ ?

Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam được hình thành qua 3 giai đoạn: Giai đoạn l bắt đầu từ trước 1950 đến 1975, với đỉnh cao là sự ra đời của Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (GHPGVNTN) vào năm 1973 và ngưng hoạt động vao năm 1975. Các bậc Tôn túc đóng góp nổi bật trong việc phiên dịch kinh điển từ Hán cổ sang tiếng Việt trong giai đoạn này có Hòa thượng Thích Trí Tịnh {Ma-ha Bắt-nhã. Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, Đại Bảo Tích, Nỉết-bàn, Đại Tập); Hòa thượng Thích Trí Nghiêm (Đại Bát-nhã); và chư vi Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Bửu Huệ, Hòa thượng Thích Thiền Tâm (Trung A-hàm, Tăng nhất A-hànỉ). Hòa

thượng Thh Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ, Thượng tọa Thích Trí Thành (TrườngA-hàm, Tạp A-hàm), v.v...

Giai đoạn 2 bắt đầu từ 1975 đến 2017, với sự ra đời của các bản dịch từ Pâli sang tiếng Việt.12Đóng góp nổi trội của Hòa thượng Thích Minh Châu là phiên dịch hầu hết Kinh tạng Pâli. Hòa thượng Hộ Tông, Hòa thượng Bửu Chơn, Hòa thượng Giới Nghiêm phiên dịch Luật tạng Pâli và Hòa thượng Tinh Sự dịch Luận tạng Pâli. Gần dây, Thượng tọa Chánh Thân đã dịch mới một số kinh trong Tiểu bộ và Luật tạng Pâli. Sau ba thập niên phiên dịch độc lập, đến năm 1991, Hội đồng Chỉ đạo Phiên dịch và Ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam chính thức được Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) thành lập. Từ đó đến nay, VNCPHVN chỉ tái bản được Kinh tạng Nam truyền/ gồm 13 tập và một vài tập A-hàm. Trong thời gian này và trước đó, Hòa thượng Thích Trí Quang đã dích hơn 25 tập Kinh, Luật, Luận; Hòa thượng Thích Đỗng Minh đã dịch một số bộ Luật và hướng dẫn, khuyến khích chư Tang Ni tại Nha Trang phiên dịch các bộ Luật của các bộ phái Phật giáo, góp phan làm phong phú kho tàng Luật tạng Phật giáo Việt Nam. Trong hai thập niên, 1994-2014, Hội đồng Dịch thuật do Hòa thượng Thích Tịnh Hạnh khởi xướng và bảo trợ, có công tổng hợp, biên tập và xuất bản các công trình dịch thuật đã có, đồng thời dịch mới các Kinh, Luật, Luận quan trọng khác để hình thành Linh Sơn Pháp bảo Đại tạng kinh. Giai đoạn 3 từ năm 2017 trở đi. Vào giữa năm 2018, Hội đồng Quản trị VNCPHVN thành lập Ban Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giao Việt Nam, tiến hành đối chiếu văn bản song ngữ, biên tập tiếng Việt, làm tổng mục lục mới, với mục tiêu phiên dịch hoàn tất, biên tập và xuất bản Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam. gồm Ba tạng Thượng Tọa bộ, Ba tạng Bộ phái và Ba tạng Đại thừa. Đồng thời, Văn học Sớ giải, Tục tạng, Văn học Tông phái Phật giáo Trung Quốc, Nhật Bản và Văn học Phật giáo Việt Nam cũng sẽ được thực hiện tiếp theo. Công trình sưu tầm, phiên dịch, hiệu chú và ấn hành này dự kiến sẽ hoàn thành trong vòng 10 năm hoặc lâu hơn nữa. 4. Vê bản sác quôc gia Thánh điên Phật giáo được xem là quôc bảo của nhiêu quôc gia theo đạo Phật. Các quốc gia thuộc hai truyền thống Phật giáo Nam truyền và Bắc truyền đều có Thánh điên Phật giáo băng tiêng mẹ đẻ của họ từ lâu. Tại các nước Phật giáo Nam truyền như Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia, ngoài ấn bản Tam tạng Thánh điển Pali, đều có bản dịch Thánh điển Phật giáo bằng quốc ngữ của họ. Trong các nước Phật giáo Đại thừa, Trung Quốc là nước đầu tiên có Khai Bảo tạng được khắc gỗ từ năm 971 đến 983 thời Bắc Tống. Các nước Phật

1 Hòa thượng Thích Minh Châu dấn thân vào sự nghiệp dịch thuật rất sớm. Hòa thượng đã dịch và ấn hanh,KM Trường bộ từ năm 1965 (tập I), 1967 (tập II), 1972 (tập ìn, IV). Các năm ketiep, Hòa thượng cho ấn hành các tạp Kỉnh Trung bộ'. 1973 (tập I), 1974 (tập II, in). 2 Còn thiếu 6 quyển trong Kinh Tiểu bộ'. Diễn giải, Phân tích đạo, Thảnh nhân kỷ sự, Phật sử, Hạnh tạng và Mỉlỉnda van đạo.

giáo Đại thừa chịu ảnh hưởng từ Phật giáo Trung Quôc đêu có ân bản Đại tạng kinh chữ Hán theo phong cách riêng. Đại Hàn (1011-1082) có ấn bản Cao Ly Đại tạng kinh (),hay còn gọi là Bát vạn Đại tạng kỉnh ()có cấu trúc mục lục khác với các
Đại tạng kinh Trung Quốc, gồm Tam tạng Đại thừa (các bản văn 1-646), Tam tạng Tiểu thừa (các bản văn 647-978), Thánh Hiền Phật ký lục (các bản văn 979-1087) và các tác phẩm khác (1088-1498), trong đó, các bản văn 1402-1405 là các trước tác của Phật giáo Đại Hàn. Nhật Bản có Thiên Hải tạng ()dầu tiên được thực hiện từ năm 1637 đến 1648. Đen đầu thế kỷ XX, Đại Chảnh tân tu Đại tạng kỉnh (1924-1934) do các
học giả Takakusu JunjirQ Watanabe Kaikyoku và Ono Genmyou biên tập, gồm 100 tập, 3.493 bộ, 13.520 quyển^ trong đó, 55 tập đầu gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, các tông phái Phật giáo An Độ, Trung Quốc. Đây là ấn bản Đại tạng kinh bằng chữ Hán hoàn chỉnh nhất, có tính hệ thống về phân loại và chấm câu tốt nhất. Phật giáo Tây Tạng cũng có Đại tạng kinh riêng khá sớm, từ năm 1290 đến 1364. Đại tạng này bao hàm hầu hết các bản luận Sanskrit của các bộ phái Phật giáo An Độ, có nguồn góc từ Trường Đại học Nālandā nôi tiêng và một sô bản dịch từ tiếng Hán. Đại tạng này được hiệu chỉnh qua các thời kỳ và trở thành kho tàng Pháp bảo Tạng truyền đặc thù, vì nó chứa nhiều bộ mật chú và pháp môn tu bí truyền mà ngày nay không tìm thây trong các Đại tạng kinh Trung Hoa và các nước khác. Tính từ thời điểm Pháp thuộc năm 1867 đến 2019, khi tiếng Hán - Việt trở thành tiếng Việt La-tinh hóa, 152 năm đã trôi qua, hoặc tính từ thời điểm Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của GHPGVNTN hình thành từ năm 1973 cũng đã trải qua 46 năm, Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam chỉ mới hoàn tát gân một nửa chặng đường phiên dịch. Bên cạnh việc trân trọng những thành quả dịch thuật của các bậc Tôn đức hữu công thuộc các thế hệ trước, GHPGVN cần có Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam hoàn chỉnh, không chỉ thể hiện bản sắc văn hóa Phật giáo Việt Nam mà còn giúp cho người Việt Nam không biết các cổ ngữ Phật giáo, có thể tiếp cận lời Phật dạy bằng tiếng Việt, nhằm đạt được trí tuệ do nghe chân lý Phật (P. Sutamayapaññā. Văn tuệ), trí tuệ do nghiền ngẫm chân lý Phật (P. Cintāmayapaññā, Tư tuệ) và trên nen tảng này, tiếp tục đạt được trí tuệ do thực hành thiền chí, thiền quán (P. Bhāvanāmayapaññā. Tu tuệ). Đe tạo nên bản sắc văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam qua Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam. tôi tha thiết kêu gọi quý Tăng Ni và Phật tử tham gia vào Ban Phiên dịch và Ban Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam, góp phần phiên dịch và xuất bản hoàn chỉnh Tam tạng Thảnh điển

Phật giảo Việt Nam. Đồng thời, tôi tha thiết kêu gọi quý mạnh thường quân và quý Phật tử phát tâm đóng góp tinh tài để công trình phiên dịch, biên tập và xuất bản Tam tạng Thảnh điên Phật giảo Việt Nam sớm thành tựu mỹ mãn. Xuất bản Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam không chỉ là niềm mơ ước của Tăng Ni và Phật tử Việt Nam mà còn tạo thuận duyên cho 97 triệu người Việt Nam trong nước và hơn 5 triệu người Việt Nam ở hải ngoại có cơ hội học Phật, tu Phật bằng tiếng Việt, để diệt trừ tham ái, sân hận, si mê, chấp thủ, vốn là nhân khổ dàu, đồng thời, trải nghiệm an vui, hạnh phúc bây giờ và tại đây, góp phần làm cho Tổ quốc Việt Nam ngày càng giàu, mạnh và phát triển bền vững.

VesakLiên Hợp Quốc, PL.2563 - DL.2019 Hòa thương THÍCH THIỆN NHƠN (Chủ tịch Hội đồng Tri sự GHPGVN)

LỜI NÓI ĐẦU

am tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam là một kho tàng Pháp bảo đầy

T đủ của Phật giáo Việt Nam, gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, Sử và các tác phẩm liên quan đến Phật giáo Việt Nam. Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam chứa đựng tư tưởng tâm linh, kho tàng trí tuệ, nền tảng văn hóa đạo đức có giá trị vượt thời gian và không gian. Cùng với những hệ thống tư tưởng lớn khác ở phương Đông và trên thế giới, hệ thốnẹ tư tưởng minh triết của đạo Phật lim xuất từ Thánh điển Phật giáo trong nhiêu thời kỳ, càng lúc càng có ảnh hưởng rộng lớn và thấm đượm nơi tâm hồn con người nói chung, tâm hồn người Phật tử Việt Nam nói riêng, góp phần tạo nên bản sắc văn hóa đạo đức ét Nam. Dân tộc Việt Nam từ thời khởi nguyên đã có mối liên hệ với Phật giáo. Phật giáo Việt Nam bắt đầu từ rất sớm và xuyên suốt dòng lịch sử luôn đồng hành cùng dân tộc. Đất nước và con người Việt Nam, trong không gian minh triết phương Đông, ân hưởng nguồn sáng thiêng liêng cùng với sức mạnh chuyển hóa nhiệm mau của đạo Phật, đã phát triển, sánh vai với bạn bè trên thế giới. Ngày nay, Phật giáo Việt Nam đang tiếp tục vươn lên với những hoạt động mang tầm quốc gia và quốc tế trên nhiều phương diện, trong đó Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam là một dấu chỉ quan trọng trên lộ trình phát triển, phát huy tiềm năng con người Việt Nam và Phật giáo Việt Nam về phương diện văn hóa tâm linh và hàn lâm học thuật. Văn pháp được sử dụng để chuyển tải nội dung của Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam tiệm cận những tiêu chí: Trung thực, uyên thâm, văn nhã. Những chuẩn mực khác cũng được quan tâm như: Trang trọng, uy nghiêm. Tiêu chí, chuẩn mực được đặt ra và triển khai nhằm nâng cao hiệu quả của việc tụng niệm và hành trì, gia tăng hiệu ứng tâm linh, khuếch tán ở mức cao nhất ánh sáng mầu nhiệm thiêng liêng lưu xuất từ đầu nguồn là đấng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thuở khởi nguyên của Thánh điển bắt đầu với việc kết tập Tam tạng. Ba lần kết tập đầu tiên, Thánh điển được trùng tụng, chuẩn ỵ và ghi nhớ từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng phương pháp khẩu truyền. Thế kỷ III TTL đã có những phái đoàn hoằng pháp do Vua Asoka chủ trương và thực hiện, trong đó Hoàng tử Mahinda và Công chúa Sañghamittā của vương triêu này đã truyên bá đạo Phật

xvi KINH TẠP A-HÀM

sang Tích Lan. Hai thế kỷ sau, dưới triều đại nhà Vua Tích Lan Vattagāmanī Ābhāya, Thánh điển được biên chép và bổ sung phần Chú giải, ở Án Độ, lần kết tập thứ tư dưới sự bảo trợ của Vua Kaniska từ cuối thế kỷ I đến đầu thế kỷ II, Thánh điển được viết xuống bằng ngôn ngữ Sanskrit. Như vậy, cả hai hệ thống kinh điển tiếp tục được lưu giữ, quảnệ bá ở bản địa và lan tỏa sang các nước khác dưới hai dạng, chữ viêt và khâu truyền. Hầu hết Thánh điển Phật giáo từ hai hệ thống trên vẫn còn được bảo tồn đầy đủ trong dạng nguyên ngữ hay dịch ngữ, và có những phiên bản tiếp tục được phát

hiện dù có những khoảng thời gian việc thế thế truyền thừa dường như bị gián đoạn, thậm chí mai một. Ánh sáng trí tuệ chứa đựng trong Thánh điển Phật giáo càng lúc càng được giới trí thức của thế giới cả phương Đông lẫn phương Tây nhận thức. Tạng Sanskrit được tái phát hiện ở Nepal vào nam 1822, có thể xem là tạng Sanskrit truyền sang thế giới phương Tây sớm nhất. Tạng Pâli do Hoàng tử Mahinda khởi động truyền bá từ Ấn Độ sang Tích Lan, sau đó nhờ được sự bảo trợ dưới triều Vua Vattagāmanī Ābhāya vào thế kỷ I TTL, công trình trùng tụng, biên chép và bảo tôn được tô chức thực hiện quy mô lớn tại Aluvihâra, thành phố Matale, với 500 nhân sự chuyên trách. Tạng Pâli được xem là Thánh điên Phật giáo chính thông của các nước thuộc hệ thông Nam truyên như An Độ, Tích Lan, Miên Điện, Thái Lan, Campuchia, Lào. Luận sư Buddhaghosa vĩ đại của thế kỵ v đã có công lớn đối với Thánh tạng Pali. Nửa cuối thế kỷ XIX? Miến Điện tổ chức kết tập Tam tạng, trùng tụng, học thuộc Thánh điển, và nổi tiếng với bộ kinh bằng đá hoa cương thực hiện năm 1860 do Vua Mindon bảo trợ. Năm 1881 Pali TextSociety (Hội Thánh điển Pali) ra đời với mục tiêu là biên tập, ấn hành nguyên bản Pali và phiên dịch sang tiếng Anh. Đầu thế kỷ XX, công trình phiên dịch Thánh tạng quy mô từ tiếng Pali sang tiếng Thái được thực hiện và giới thiệu rộng rãi thông qua mạng lưới các trường đại học trên thế giới, dưới sự bảo trợ của Vua Chulalongkorn thứ v. Ngoài tạng Pali và tạng Sanskrit, khi nói về phương diện đầu nguồn, cổ kính và thẩm quyền, cần ghi nhận rằng Thánh tạng tiếng Hán cổ có truyền thống lâu dòi, bao phủ một địa bàn văn hóa rộng lớn tầm châu lục. Từ nhà Tống đến nay, Trung Quốc có tất cả 25 bản Đại tạng, riêng nhà Tống đã có đến 8 bản Đại tạng khác nhau. Bản Đại tạng khắc gỗ đầy đủ đầu tiên

nhất cho đến năm 1934. Mông cổ và Tây Tạng đều có Đại tạng riêng. Đại tạng Tây Tạng cũng đã trải qua 12 lần khắc bản5 được in ấn khác nhau và bộ hiện nay rát lớn với 73 triệu chữ chia làm hai phân: Kangyur (Kinh tạng - Luật tạng) và Tengyur (Luận tạng). Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam có điểm xuất phát từ thời còn chia sẻ chung một dạng văn tự với người Hán, phục vụ cho Phật giáo của cả một khu vực địa lý văn hóa rộng lớn bao gồm nhiều quốc gia, dân tộc. ở Việt Nam, nhà Đinh đã bắt đầu việc khắc kinh trên dá, đến thời nhà Lý việc khắc mộc bản khởi sự và hoàn thành một phần vào năm 1126, niên hiệu Thiên Phù Duệ Vũ. Vào năm 1311 (Tân Hợi), niên hiệu Hưng Long nhà Trần, Tôn giả Pháp Loa và Thiền sư Bảo Sái phụng chiếu Vua Trần Anh Tông đảm trách công trình cấp quốc gia là khắc gỗ Đại tạng kinh. Trải qua những biến thiên của lịch sử, thế hệ chư cô đức đã hét lòng truyên trì đạo mạch. Có những giai đoạn lịch sử, công trình phiên dịch và ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam có biểu hiện dừng lại hẳn, nhưng thật ra vẫn được chư Tôn đức tiền hiền âm thầm thực hiện. Lịch sử thực hiện Đại tạng kinh Việt Nam khởi sắc trong giai đoạn chấn hưng Phật giáo giữa thế kỷ XX. Việc phiên dịch, ấn hành Đại tạng kỉnh Việt Nam với những mảng lớn hơn và quy mô lớn hơn được triển khai thực hiện, tiêu biểu là Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Tịnh phiên dịch Đại tạng Bắc truyền và Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu phiên dịch Đại tạng Nam truyền. Những trung tâm phiên dịch với những dịch giả nổi tiếng cũng xuất hiện như Trung tâm Phiên dịch Huệ Nghiêm, Trung tâm Phiên dịch Hải Dức, sau

này có Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang. Đặc biệt, chư Ton đức Giáo phẩm, quý cư sĩ thiện hữu trí thức tiền bối và đương thời nối tiếp công việc phiên dịch các bộ Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, như quý ngài: Hòa thượng Thích Khánh Anh, Hòa thượng Thích Thiện Hoa, Hòa thượng Thích Trí Tịnh, Hòa thượng Thích Trí Nghiêm, Hòa thượng Thích Hành Trụ, Hòa thượng Thích Mật Nguyện, Hòa thượng Thích Trí Quang, Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Huệ Hưng, Hòa thượng Thích Đỗng Minh, Hòa thượng Thích Phước Hảo, Hòa thượng Thích Tịnh Thuận, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ? Hòa thượng Thích Phước Sơn, Hòa thượng Thích Minh Cảnh, Hòa thượng Thích Đức Thắng, Cư sĩ Tâm Minh - Lê Đình Thám, Cư sĩ Đoàn Trung Còn, Cư sĩ Đào Nguyên, Cư sĩ Định Huệ, Cư sĩ Nguyên Tâm - Trần Phương Lan,... Như vậy, nội dung bộ Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam có sự khác biệt. Các Đại tạng khác chỉ chứa đựng một trong hai hệ thống, Nam truyền hoặc Bắc truyền, hoặc có một phần của nhau, nhimg không đầy đủ. Trong khi đó, Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam chuyển tải cả hai hệ thống và được bố cục lại. Đối với Tam tạng Nam truyền (Thượng Tọa bộ), cấu trúc được giữ nguyên như trong hệ thống Pali Text Society (Chánh kinh, Chú giải,

Phụ chú giải). Đối với Bắc truyền, cấu trúc được chia thành hai phần: Bộ phái và Đại thừa, được bố cục lại theo cách phân chia Kinh, Luật, Luận, Sớ giải. Nguồn tư liệu này dựa vào Đại Chánh tân tu Đại tạng kỉnh. Ngoài ra, còn có tham khảo thêm nguồn tiếng Sanskrit, tiếng Anh và một số ngôn ngữ khác. Phân Tục tạng của Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam bao gôm các tác phẩm kinh điển do những thế hệ trí thức của Phật giáo Việt Nam trước tác, nối kết liền mạch từ thời sử dụng chữ Hán, Hán Nôm và chữ Quốc ngữ. Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện nay tiếp nối tinh thần phiên dịch Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam của chư tiên hiên hữu công, với sự khởi xướng của Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu, đã thành lập Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam làm cơ sở pháp lý? nên tảng hành chánh cho việc tô chức nhân SỊT, giúp Giáo hội Phật giáo Việt Nam nâng mức độ hoàn thiện của Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam lên một tầm cao mới, đặt một dấu ấn cho sự hoàn chỉnh trang nghiêm của ngôi báu Pháp bảo. Phiên dịch Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam là công việc cần một nguôn nhân lực trí thức và tinh thân làm việc bên bi, đông thời phải vượt qua những rào cản về ngôn ngữ, văn hóa và khoảng cách thế hệ. Những dịch giả đỉnh cao ở Trung Quôc như Đạo An, Cưu-ma-la-thập, Huyên Trang... đêu bày tỏ sự khó khăn khi thực hiện bản Hán dịch. Trong khi đó9 độ chính xác của bản Việt dịch nói chung phải dựa trên độ chính xác của bản Hán dịch. Phiên dịch Kinh tạng Pâli cũng không ngoại lệ, khi dựa vào những bản góc đã được sao chép nhiều lần trước khi in ấn. May thay, với sự tiến bộ của thời dại, một số rào cản ngôn ngữ trong các đê bản đã được giải mã và phản ánh trong các bản dịch mới trong Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam. Sự vượt qua những khó khăn trên nhờ vào sự phát triển của mạng lưới thông tin toàn cầu, nguồn tham khảo phong phú, kỹ thuật tra cứu tiên tiến. Mặt khác, Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam phản ánh việc định hình được một bộ thể lệ quy chuẩn, làm cơ sở tham chiêu cho việc biên tập và dịch bô sung, song song với việc xây dựng một bộ

thuật ngữ thiết yếu và chuyên sâu. Tất cả đều góp phần đáng kể cho tính hệ thong, tính nhất quán khoa học, nâng cao giá trị hàn lâm của Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam. Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam mở ra một triển vọng mới cho những tác phẩm hậu kỳ như tóm tắt, tân giải, đồ giải hay làm tiền đề cho những công trình hỗ trợ tiện ích theo sau: Tổng mục lục, Đại từ điển Thuật ngữ, Lịch sử hình thành Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam. Ngoài ấn bản mang tính thiêng liêng của hiện tiền Pháp bảo được thực hiện trang nghiêm với chất liệu cao cấp, thiết kế mẫu mực, kỹ thuật in ấn tiên tiến, chứa đựng nội dung và văn pháp như đã được giới thiệu ở trên, Ban Biên tập Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam còn thực hiện bản số hóa làm tăng

thêm khả năng đồng bộ, lan tỏa rộng khắp, khả năng tiếp cận và tham khảo nhanh chóng, hướng đến những tiêu chí học thuật hàn lâm tối mi. Bộ Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam ra đời lần này là kết tinh từ các bậc Tô sư, các bậc chân tu thật học, nhiêu thê hệ dịch giả, nhà nghiên cứu... Hình ảnh các ngài an nhẫn, kiên đinh, tận tụy, cần mẫn dịch từng trang kinh, chọn lựa từng chữ, cân nhắc từng thuật ngữ Phật học, đối khảo các bản dịch, bô sung từng cước chú, nhuận sác từng dâu châm phây, đê đảm bảo uvăn nghĩa đầy dỉT một cách tốt đẹp nhất, luôn là nguồn động lực khích lệ cho các thế hệ Tăng Ni và Phật tử tiếp bước noi theo. Hơn bảy thập niên trôi qua, các nhà phiên dịch Tam tạng ngày đêm âm thầm làm việc, đã đóng góp vào kho tàng văn học Phật giáo, tạo nên bản sắc văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam? làm cho Pháp bảo được lưu bố ở nhân gian, công đức ấy đang ẩn tàng trong từng con chữ, trong số nhiều chục triệu con chữ của ấn bản Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam lần này thật bất khả tư nghì. Việc phiên dịch và ấn hành Pháp bảo này thành tựu còn được sự yểm trợ, ủng hộ nhiệt tình của chư Tôn đức Tăng Ni và các mạnh thường quân cư sĩ Phật tử trong và ngoài nước, từ quá khứ đến hiện tại. Xin thành kính tri ân công đức của quý liệt vị. Thành kính cúng dâng ấn phẩm Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam này lên mười phương chư Phật, chư Tôn Bồ-tát, liệt vị Tổ sư, chư vị Tôn đức dịch giả và hiện tiền chư Tôn đức Giáo phẩm chứng minh. Thành tâm hồi hướng công dức, nguyện cầu Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyển, quốc thái dân an, pháp giới hữu tình ân triêm lợi lạc.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 -DL.20Ỉ9 Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN (Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam)

MỤC LỤC LỜI CHÚNG MINH..... vii LỜI GIỚI THIỆU..... ix LỜI NÓI ĐẦU..... XV MỤC LỤC..... .... __mxxi BANG VIẾT TẮT..... lix DẪN LUẬN.....Ixv

TẠPA-HÀM KINH SỐ l..... l
KINH SỐ 2..... l KINH SỐ
3..... 2 KINH SỐ
4..... 2 KINH SỐ
5..... 3 KINH SỐ
6..... 3 KINH SỐ
7..... 4 KINH SỐ
8..... 4 KINH SỐ
9..... 4 KINH SỐ
10..... 5 KINH SỔ
11..... 5 KINH SỐ
12..... 6 KINH SỐ
13..... 6 KINH SỐ
14..... 7 KINH SỐ
15..... 8 KINH SỐ
16..... 9 KINH SỐ
17..... 10 KINH SỐ
18.....11 KINH SỐ
19..... 12 KINH SỐ 20
..... 13 KINH SỐ
21.....13 KINH SỐ
22..... 14

KINH SỐ 23.....15 KINH SỐ
24.....16 KINH SỐ
25.....17 KINH SỐ
26.....18 KINH SỐ
27.....18 KINH SỐ
28.....19 KINH SỐ
29.....19 KINH SỐ
30..... 20 KINH SỐ
31..... 22 KINH SỐ
32..... 23 KINH SỐ
33..... 25 KINH SỐ
34..... 26 KINH SỐ
35..... 26 KINH SỐ
36..... 27 KINH SỐ
37..... 28 KINH SỐ
38..... 29 KINH SỐ
39..... 30 KINH SỐ
40..... 31 KINH SỐ
41..... 31 KINH SỐ

42..... 33 KINH SỐ
43..... 36 KINH SỐ
44..... 37 KINH SỐ
45..... 38 KINH SỐ
46..... 39 KINH SỐ
47..... 40 KINH SỐ
48..... 41 KINH SỐ
49..... 41 KINH SỐ
50..... 41 KINH SỐ
51..... 42 KINH SỐ
52..... 42 KINH SỐ
53..... 42 KINH SỐ
54..... 44 KINH SỐ
55..... 45 KINH SỐ
56..... 46 KINH SỐ
57..... 46 KINH SỐ
58..... 49 KINH SỐ
59..... 52

KINH SỐ 60..... 52 KINH SỐ
61..... 53 KINH SỐ
62..... 54 KINH SỐ
63..... 55 KINH SỐ
64..... 55 KINH SỐ
65..... 57 KINH SỐ
66..... 58 KINH SỐ
67..... 58 KINH SỐ
68..... 59 KINH SỐ
69..... 60 KINH SỐ
70..... 61 KINH SỐ
71..... 61 KINH SỐ
72..... 62 KINH SỐ
73..... 63 KINH SỐ
74..... 63 KINH SỐ
75..... 64 KINH SỐ
76..... 65 KINH SỐ
77..... 65 KINH SỐ
78..... 66 KINH SỐ
79..... 66 KINH SỐ
80..... 66 KINH SỐ
81..... 68 KINH SỐ
82..... 69 KINH SỐ

83..... 70 KINH SỐ
84..... 71 KINH SỐ
85..... 72 KINH SỐ
86..... 72 KINH SỐ
87..... 73 KINH SỐ
88..... 74 KINH SỐ
89..... 74 KINH SỐ
90..... 75 KINH SỐ
91..... 76 KINH SỐ
92..... 78 KINH SỐ
93..... 79 KINH SỐ
94..... 82 KINH SỐ
95..... 84 KINH SỐ
96..... 85

xxiv KINH TẠP A-HÀM

KINH SỐ 97..... 86 KINH SỐ
98..... 87 KINH SỐ
99..... 88 KINH SỐ
100..... 89 KINH SỐ
101..... 90 KINH SỐ
102..... 91 KINH SỐ
103..... 93 KINH SỐ
104..... 96 KINH SỐ
105..... 100 KINH SỐ
106..... 103 KINH SỐ
107..... 105 KINH SỐ
108..... 107 KINH SỐ
109..... 109 KINH SỐ
110..... Ill KINH SỐ
111..... 118 KINH SỐ
112..... 119 KINH SỐ
113..... 119 KINH SỐ
114..... 120 KINH SỐ
115..... 121 KINH SỐ
116..... 122 KINH SỐ
117..... 123 KINH SỐ
118..... 123 KINH SỐ
119..... 124 KINH SỐ
120..... 125 KINH SỐ
121..... 126 KINH SỐ
122..... 126 KINH SỐ
123..... 127 KINH SỐ

124..... 128 KINH SỐ
125..... 129 KINH SỔ
126..... 130 KINH SỐ
127..... 130 KINH SỐ
128..... 130 KINH SỐ
129..... 131 KINH SỐ
130..... 131 KINH SỐ
131..... 132 KINH SO
132..... 132 KINH SỐ
133..... 132

MỤC LỤC XXV

KINH SỐ 134..... 134 KINH SỐ
135..... 134 KINH SỐ
136..... 134 KINH SỐ
137..... 135 KINH SỐ
138..... 135 KINH SỐ
139..... 136 KINH SỐ
140..... 137 KINH SỐ
141..... 137 KINH SỐ
142..... 137 KINH SỐ
143-144.....137 KINH SỐ
145..... 137 KINH SỐ
146..... 138 KINH SỐ
147..... 138 KINH SỐ
148..... 138 KINH SỐ
149..... 138 KINH SỐ
150..... 139 KINH SỐ
151..... 139 KINH SỐ
152..... 139 KINH SỐ
153..... 140 KINH SỐ
154..... 140 KINH SỐ
155..... 140 KINH SỐ
156..... 141 KINH SỐ
157..... 141 KINH SỐ
158..... 141 KINH SỐ
159..... 142 KINH SỐ
160..... 142 KINH SỐ
161..... 142 KINH SỐ
162..... 143 KINH SỔ
163..... 143 KINH SỐ
164..... 144 KINH SỐ
165..... 144 KINH SỐ

166..... 145 KINH SỐ
167..... 145 KINH SỐ
168..... 145 KINH SỐ
169..... 146 KINH SỐ
170..... 146 KINH SỐ
171..... 147

xxvi KINH TẠPA-HÀM

KINH SỐ 172..... 147 KINH SỐ
173..... 147 KINH SỐ
174..... 148 KINH SỐ
175..... 148 KINH SỐ
176..... 149 KINH SỐ
177..... 149 KINH SỐ
178..... 150 KINH SỐ
179..... 151 KINH SỐ
180..... 151 KINH SỐ
181..... 152 KINH SỐ
182..... 152 KINH SỐ
183..... 153 KINH SỐ
184..... 154 KINH SỐ
185..... 154 KINH SỐ
186..... 155 KINH SỐ
187..... 157 KINH SỐ
188..... 157 KINH SỐ
189..... 158 KINH SO
190..... 158 KINH SỐ
191..... 159 KINH SỐ
192..... 159 KINH SỐ
193..... 159 KINH SỐ
194..... 160 KINH SỐ
195..... 160 KINH SỔ
196..... 160 KINH SỐ
197..... 161 KINH SỐ
198..... 162 KINH SỐ
199..... 163 KINH SỐ
200..... 163 KINH SỐ
201..... 165 KINH SỐ
202..... 166 KINH SỐ
203..... 166 KINH SỐ
204..... 167 KINH SỐ
205..... 168 KINH SỐ
206..... 168 KINH SỐ

207..... 168 KINH SỐ
208..... 169

KINH SỐ 209..... 169 KINH SỐ
210..... 170 KINH SỐ
211..... 171 KINH SỐ
212..... 172 KINH SỐ
213..... 173 KINH SỐ
214..... 173 KINH SỐ
215..... 174 KINH SỐ
216..... 174 KINH SỐ
217..... 175 KINH SỐ
218..... 175 KINH SỐ
219..... 176 KINH SỐ
220..... 176 KINH SỐ
221..... 176 KINH SỐ
222..... 176 KINH SỐ
223..... 177 KINH SỐ
224..... 177 KINH SỐ
225..... 177 KINH SỐ
226..... 178 KINH SỐ
227..... 178 KINH SỐ
228..... 179 KINH SỐ
229..... 179 KINH SỐ
230..... 180 KINH SỐ
231..... 180 KINH SỐ
232..... 181 KINH SỐ
233..... 181 KINH SỐ
234..... 181 KINH SỐ
235..... 182 KINH SỐ
236..... 183 KINH SỐ
237..... 184 KINH SỐ
238..... 184 KINH SỐ
239..... 185 KINH SỐ
240..... 185 KINH SỐ
241..... 186 KINH SỐ
242..... 187 KINH SỐ
243..... 187 KINH SỐ
244..... 188 KINH SỐ
245..... 188

KINH SỐ 246..... 189 KINH SỐ
247..... 190 KINH SỐ
248..... 190 KINH SỐ
249..... 192 KINH SỐ
250..... 193 KINH SỐ
251..... 194 KINH SỐ
252..... 195 KINH SỐ
253..... 197 KINH SỐ
254..... 200 KINH SỐ 255
..... 203 KINH SỐ
256..... 205 KINH SỐ 257
..... 206 KINH SỐ 258
..... 207 KINH SỐ
259..... 208 KINH SỐ
260..... 210 KINH SỐ
261..... 210 KINH SỐ
262..... 212 KINH SỐ 263
..... 214 KINH SỐ
264..... 215 KINH SỐ 265
..... 218 KINH SỐ
266..... 219 KINH SỐ
267..... 220 KINH SO
268..... 221 KINH SỐ
269..... 222 KINH SỐ
270..... 223 KINH SỐ 271
..... 224 KINH SỐ
272..... 227 KINH SỐ 273
..... 228 KINH SỐ
274..... 230 KINH SỐ 275
..... 231 KINH SỐ
276..... 232 KINH SỐ
277..... 238 KINH SỐ 278
..... 239 KINH SỐ
279..... 239 KINH SỐ
280..... 240 KINH SỐ 281
..... 242 KINH SỐ
282..... 245

KINH SỐ 283 ..... 247 KINH SỐ
284..... 248 KINH SỐ 285
..... 249 KINH SỐ
286..... 250 KINH SỐ

287..... 251 KINH SỐ 288
..... 252 KINH SỐ
289..... 254 KINH SỐ
290..... 255 KINH SỐ 291
..... 255 KINH SỐ
292..... 257 KINH SỐ 293
..... 259 KINH SỐ
294..... 260 KINH SỐ 295
..... 261 KINH SỐ
296..... 261 KINH SỔ
297..... 262 KINH SỐ
298..... 263 KINH SỐ
299..... 264 KINH SỐ
300..... 265 KINH SỐ 301
..... 265 KINH SỐ
302..... 266 KINH SỐ 303
..... 268 KINH SỐ
304..... 269 KINH SỐ 305
..... 270 KINH SỐ
306..... 271 KINH SỐ
307..... 272 KINH SỐ 308
..... 273 KINH SỐ
309..... 274 KINH SỐ
310..... 275 KINH
SỐ311..... 275 KINH SỐ
312..... 277 KINH SỐ
313..... 279 KINH SỐ
314..... 280 KINH SỐ
315..... 280 KINH SỐ
316..... 281 KINH SỐ
317..... 281 KINH SỐ
318..... 281 KINH SỐ
319..... 282

XXX KINH TẠPA-HÀM

KINH SỐ 320..... 282 KINH SỐ 321
..... 283 KINH SỐ
322..... 283 KINH SỐ 323
..... 284 KINH SỐ
324..... 285 KINH SỐ 325
..... 285 KINH SỐ
326..... 285 KINH SỐ
327..... 285 KINH SỐ 328

..... 285 KINH SỐ
329..... 286 KINH SỐ
330..... 286 KINH SỐ 331
..... 286 KINH SỐ
332..... 286 KINH SỐ 333
..... 287 KINH SỐ
334..... 287 KINH SỐ 335
..... 288 KINH SỐ
336..... 288 KINH SỐ
337..... 288 KINH SỐ 338
..... 289 KINH SỐ
339..... 289 KINH SỐ
340..... 289 KINH SỐ 341
..... 289 KINH SỐ
342..... 290 KINH SỔ 343
..... 290 KINH SỐ
344..... 292 KINH SỐ 345
..... 296 KINH SỐ
346..... 297 KINH SỐ
347..... 299 KINH SỐ
348..... 304 KINH SỐ
349..... 304 KINH SỐ
350..... 305 KINH SỐ 351
..... 305 KINH SỐ
352..... 307 KINH SỐ
353..... 308 KINH SỐ
354..... 308 KINH SỐ
355..... 309 KINH SỐ
356..... 309

KINH SỐ 357..... 309 KINH SỐ
358..... 310 KINH SỐ
359..... 310 KINH SỐ
360..... 311 KINH SỐ
361..... 311 KINH SỐ
362..... 311 KINH SỐ 363
..... 312 KINH SỐ
364..... 312 KINH SỐ
365..... 313 KINH SỐ
366..... 313 KINH SỐ
367..... 314 KINH SỐ
368..... 314 KINH SỐ

369..... 314 KINH SỐ
370..... 315 KINH SỐ
371..... 315 KINH SỐ
372..... 316 KINH SỐ 373
..... 317 KINH SỐ
374..... 319 KINH SỐ
375..... 319 KINH SỐ
376..... 319 KINH SỐ
377..... 320 KINH SỐ
378..... 321 KINH SỐ
379..... 321 KINH SỐ
380..... 323 KINH SỐ 381
..... 323 KINH SỐ
382..... 323 KINH SỐ 383
..... 324 KINH SỐ
384..... 324 KINH SỐ
385..... 324 KINH SỐ
386..... 325 KINH SỐ
387..... 325 KINH SỔ
388..... 326 KINH SỐ
389..... 326 KINH SỔ
390..... 327 KINH SỐ 391
..... 327 KINH SỐ
392..... 328 KINH SỐ 393
..... 328

xxxii KINH TẠP A-HÀM

KINH SỐ 394..... 329 KINH SỐ
395..... 330 KINH SỐ
396..... 330 KINH SỐ
397..... 331 KINH SỐ
398..... 331 KINH SỐ
399..... 332 KINH SỐ
400..... 332 KINH SỐ 401
..... 333 KINH SỐ
402..... 333 KINH SỐ 403
..... 334 KINH SỐ
404..... 334 KINH SỐ 405
..... 335 KINH SỐ
406..... 336 KINH SỔ
407..... 336 KINH SỐ
408..... 337 KINH SỐ
409..... 338 KINH SỐ

410..... 338 KINH SỐ
411..... 339 KINH SỐ
412..... 339 KINH SỐ
413..... 339 KJNH SỐ
414..... 340 KINH SỐ
415..... 341 KINH SỐ
416..... 341 KINH SỐ
417..... 341 KINH SỐ
418..... 342 KINH SỐ
419..... 343 KINH SỐ
420..... 343 KINH SỐ 421
..... 343 KINH SỐ
422..... 344 KINH SỐ 423
..... 345 KINH SỐ
424..... 345 KINH SỐ
425..... 346 KINH SỐ
426..... 346 KINH SỐ
427..... 346 KINH SỔ
428..... 347 KINH SỐ
429..... 347 KINH SỐ
430..... 347

KINH SỐ 431 ..... 347 KINH SỐ
432..... 348 KINH SỐ 433
..... 348 KINH SỐ
434..... 348 KINH SỐ
435..... 349 KINH SỐ
436..... 350 KINH SỐ
437..... 350 KINH SỐ
438..... 350 KINH SỐ
439..... 351 KINH SỐ
440..... 351 KINH SỐ 441
..... 352 KINH SỐ
442..... 353 KINH SỐ 443
..... 354 KINH SỐ
444..... 354 KINH SỐ
445.....355 KINH SỐ
446.....355 KINH SỐ
447..... 355 KINH SỔ
448..... 356 KINH SỐ
449..... 357 KINH SỐ
450..... 357 KINH SỔ 451

..... 357 KINH SỐ
452..... 358 KINH SỐ 453
..... 358 KINH SỐ
454..... 359 KINH SỐ
455..... 359 KINH SỐ
456..... 360 KINH SỐ
457..... 361 KINH SỐ
458..... 362 KINH SỐ
459..... 363 KINH SỐ
460..... 364 KINH SỐ 461
..... 364 KINH SỐ
462..... 365 KINH SỐ 463
.....365 KINH SỐ
464.....365 KINH SỐ
465..... 367 KINH SỐ
466..... 368 KINH SỐ
467..... 368

xxxiv KINH TẠPA-HÀM _____

KINH SỔ 468..... 369 KINH SỐ
469..... 370 KINH SỐ
470..... 370 KINH SỐ 471
..... 372 KINH SỐ
472..... 372 KINH SỐ 473
..... 373 KINH SỐ
474..... 374 KINH SỐ 475
..... 375 KINH SỐ
476..... 376 KINH SỔ
477..... 376 KINH SỐ
478..... 376 KINH SỐ
479..... 377 KINH SỐ
480..... 377 KINH SỐ 481
..... 378 KINH SỐ
482..... 379 KINH SỐ 483
..... 380 KINH SỐ
484..... 381 KINH SỐ 485
..... 382 KINH SỐ
486.....383 KINH SỐ
487..... 384 KINH SỐ
488..... 384 KINH SỐ
489..... 384 KINH SỐ
490.....385 KINH SỐ 491
..... 393 KINH SỐ

492..... 393 KINH SỐ 493
..... 394 KINH SỐ
494..... 395 KINH SỐ
495..... 395 KINH SỐ
496..... 396 KINH SỐ
497..... 397 KINH SỐ
498..... 400 KINH SỔ
499..... 402 KINH SỐ
500..... 404 KINH SỐ 501
..... 405 KINH SỐ
502..... 406 KINH SỐ 503
..... 406 KINH SỐ
504..... 408

MỤC LỤC XXXV

KINH SỐ 505 ..... 409 KINH SỐ
506..... 410 KINH SỐ
507..... 412 KINH SỐ 508
..... 413 KINH SỐ
509..... 414 KINH SỐ
510..... 415 KINH
SỐ511..... 416 KINH SỐ
512..... 417 KINH SỐ
513..... 417 KINH SỐ
514..... 417 KINH SỐ
515..... 418 KINH SỐ
516..... 418 KINH SỐ
517..... 418 KINH SỐ
518..... 419 KINH SỐ
519..... 419 KINH SỐ
520..... 420 KINH SỐ 521
..... 420 KINH SỔ
522..... 420 KINH SỔ 523
..... 421 KINH SỐ
524..... 421 KINH SỐ 525
..... 422 KINH SỐ
526..... 422 KINH SỐ
527..... 423 KINH SỐ 528
..... 423 KINH SỐ
529..... 423 KINH SỐ
530..... 424 KINH SỐ 531
..... 424 KINH SỐ
532..... 424 KINH SỐ 533

..... 425 KINH SỐ
534..... 425 KINH SỐ 535
..... 426 KINH SỐ
536..... 427 KINH SỐ
537..... 427 KINH SỐ 538
..... 428 KINH SỐ
539..... 429 KINH SỐ
540..... 429 KINH SỐ 541
..... 430

xxxvi KINH TẠP A-HÀM _____

KINH số 542..... 431 KINH SỐ 543
..... 431 KINH SỐ
544..... 432 KINH SỐ 545
..... 432 KINH SỐ
546..... 433 KINH SỐ
547..... 434 KINH SỐ 548
..... 435 KINH SỐ
549..... 438 KINH SỐ
550..... 439 KINH SỐ 551
..... 441 KINH SỐ
552..... 443 KINH SỐ 553
..... 443 KINH SỐ
554..... 444 KINH SỐ 555
..... 445 KINH SỐ
556..... 446 KINH SỐ
557..... 447 KINH SỐ 558
..... 447 KINH SỐ
559..... 448 KINH SỐ
560..... 449 KINH SỐ 561
..... 449 KINH SỐ
562..... 450 KINH SỐ 563
..... 451 KINH SỐ
564..... 452 KINH SỐ 565
..... 454 KINH SỐ
566..... 455 KINH SỐ
567..... 457 KINH SỐ 568
..... 458 KINH SỐ
569..... 460 KINH SỐ
570..... 461 KINH SỐ 571
..... 462 KINH SỐ
572..... 464 KINH SỐ 573
..... 465 KINH SỐ

574..... 467 KINH SỐ 575
..... 468 KINH SỐ
576..... 469 KINH SỐ
577..... 470 KINH SỐ 578
..... 470

KINH SỐ 579..... 471 KINH SỐ
580..... 471 KINH SỐ 581
..... 472 KINH SỔ
582..... 473 KINH SỐ 583
..... 473 KINH SỐ
584..... 474 KINH SỐ 585
..... 475 KINH SỐ
586..... 476 KINH SỐ
587..... 476 KINH SỐ 588
..... 477 KINH SỐ
589..... 477 KINH SỐ
590.....478 KINH SỐ 591
.....479 KINH SỐ
592.....480 KINH SỔ 593
.....483 KINH SỐ
594..... 484 KINH SỐ 595
..... 485 KINH SỐ
596..... 487 KINH SỐ
597..... 487 KINH SỐ 598
..... 488 KINH SO
599..... 488 KINH SỐ
600..... 489 KINH SỐ 601
..... 489 KINH SỐ
602..... 490 KINH SỐ 603
.....490 KINH SỐ
604..... 491 KINH SỐ
605..... 518 KINH SỔ
606..... 518 KINH SỐ
607..... 519 KINH SỐ
608..... 519 KINH SỐ
609..... 519 KINH SỐ
610..... 520 KINH SỐ
611..... 520 KINH SỐ
612..... 520 KINH SỔ
613..... 521 KINH SỐ
614..... 521 KINH SỐ

615..... 522

xxxviii KINH TẠP A-HÀM

KINH SỐ 616.....523 KINH SỐ 617 ..... 524 KINH SỐ 618..... 525 KINH SỐ 619..... 525 KINH SỐ 620..... 526 KINH SỐ 621 ..... 526 KINH SỔ 622..... 527 KINH SỐ 623..... 528 KINH SỐ 624..... 529 KINH SỐ 625..... 530 KINH SỐ 626..... 531 KINH SỐ 627..... 531 KINH SỔ 628..... 531 KINH SỐ 629..... 532 KINH SỐ 630..... 532 KINH SỐ 631 ..... 532 KINH SỐ 632.....533 KINH SỐ 633..... 533 KINH SỐ 634..... 533 KINH SỐ 635..... 534 KINH SỐ 636..... 534 KINH SỐ 637.....535 KINH SỐ 638..... 535 KINH SỐ 639..... 537 KINH SỐ 640..... 538 KINH SỐ 641 ..... 544 KINH SỔ 642..... 549 KINH SỐ 643..... 549 KINH SỐ 644..... 550 KINH SỔ 645..... 550 KINH SỐ 646..... 550 KINH SỐ 647..... 551 KINH SỔ 648..... 551 KINH SỐ 649..... 551 KINH SỐ 650..... 552 KINH SỐ 651 ..... 552 KINH SỐ 652..... 553

MỤC LỤC xxxix

KINH SỐ 653 ..... 553 KINH SỐ 654.....553 KINH SỐ 655..... 554 KINH SỐ 656..... 554 KINH SỐ 657..... 554 KINH SỐ 658..... 555 KINH SỐ 659..... 555 KINH SỐ 660..... 556 KINH SỔ 661 ..... 556 KINH SỔ 662..... 556 KINH SỐ 663 ..... 557 KINH SỐ 664..... 557 KINH SỐ 665..... 557 KINH SỐ 666..... 557 KINH SỐ 667..... 558 KINH SỐ 668..... 558 KINH SỐ 669..... 558 KINH SỐ 670..... 559 KINH SỐ 671 ..... 559 KINH SỐ 672..... 560 KINH SỐ 673..... 560 KINH SỐ 674..... 560 KINH SỐ 675..... 560 KINH SỐ 676..... 561 KINH SỐ 677..... 561 KINH SỐ 678..... 561 KINH SỐ 679..... 561 KINH SỔ 680..... 562 KINH SỐ 681 ..... 562 KINH SỐ 682..... 563 KINH SỐ 683..... 563 KINH SỐ 684..... 563 KINH SỐ 685..... 566 KINH SỐ 686..... 566 KINH SỐ 687..... 567 KINH SỐ 688..... 567 KINH SỐ 689..... 568

xi KINH TẠP A-HÀM

KINH SỐ 690..... 568 KINH SỐ 691 ..... 568 KINH SỐ 692..... 569 KINH SỔ 693..... 569 KINH SỐ

694..... 570 KINH SỐ
695..... 570 KINH SỔ
696..... 570 KINH SỐ
697..... 570 KINH SỔ
698..... 570 KINH SỐ
699..... 571 KINH SỐ
700..... 571 KINH SỐ 701
..... 571 KINH SỐ
702..... 572 KINH SỐ
703..... 572 KINH SỐ
704..... 573 KINH SỐ
705..... 573 KINH SỔ
706..... 573 KINH SỐ
707..... 574 KINH SỐ
708..... 574 KINH SỔ
709..... 575 KINH SỐ
710..... 575 KINH SỐ
711..... 576 KINH SỐ
712..... 577 KINH SỐ
713..... 578 KINH SỐ
714..... 579 KINH SỐ
715..... 580 KINH SỐ
716..... 583 KINH SỐ
717..... 583 KINH SỐ
718..... 584 KINH SỐ
719.....585 KINH SỐ 720.....
585 KINH SỐ 721 ..... 586 KINH SỐ
722..... 587 KINH SỐ 723
..... 589 KINH SỐ
724..... 589 KINH SỐ
725..... 590 KINH SỐ
726..... 590

KINH SỐ 727..... 591 KINH SỐ
728..... 592 KINH SỐ
729..... 592 KINH SỐ
730..... 593 KINH SỐ 731
.....593 KINH SỐ
732.....593 KINH SỐ
733.....593 KINH SỐ
734..... 594 KINH SỐ
735..... 594 KINH SỐ

736.....595 KINH SỐ
737..... 595 KINH SỐ
738..... 596 KINH SỐ
739..... 596 KINH SỐ
740..... 596 KINH SỐ 741
..... 596 KINH SỐ
742..... 597 KINH SỐ
743..... 597 KINH SỐ
744..... 598 KINH SỐ
745..... 598 KINH SỐ
746..... 599 KINH SỐ
747..... 599 KINH SỐ
748..... 599 KINH SỐ
749..... 600 KINH SỐ
750..... 600 KINH SỐ 751
..... 601 KINH SỐ
752..... 601 KINH SỐ
753..... 602 KINH SỐ
754..... 602 KINH SỐ
755-757..... 603 KINH SỐ
758..... 603 KINH SỐ
759..... 604 KINH SỐ
760..... 605 KINH SỐ 761
.....605 KINH SỐ
762..... 606 KINH SỐ 763
..... 606 KINH SỐ
764..... 606 KINH SỔ
765..... 606

xlii KINH TẠPA-HÀM

KINH SỐ 766..... 607 KINH SỐ
767..... 607 KINH SỐ
768..... 607 KINH SỐ
769..... 608 KINH SỐ
770..... 608 KINH SỐ 771
..... 609 KINH SỐ
772-774..... 609 KINH SỐ 775
..... 610 KINH SỐ
776..... 610 KINH SỐ
777..... 610 KINH SỐ
778..... 611 KINH SỐ
779..... 612 KINH SỐ
780..... 612 KINH SỐ

781..... 613 KINH SỔ
782.....613 KINH SỐ 783
..... 614 KINH SỐ
784..... 615 KINH SỔ 785
..... 615 KINH SỐ
786..... 618 KINH SỐ
787..... 618 KINH SỐ
788..... 619 KINH SỐ
789..... 620 KINH SỐ
790..... 621 KINH SỐ 791
..... 621 KINH SỐ
792..... 621 KINH SỐ 793
..... 622 KINH SỐ
794..... 622 KINH SO
795..... 622 KINH SỐ
796..... 622 KINH SỐ
797..... 623 KINH SỐ
798.....623 KINH SỐ
799..... 623 KINH SỐ
800..... 624 KINH SỐ 801
..... 624 KINH SỐ
802..... 624 KINH SỐ 803
..... 624 KINH SỔ
804..... 625

KINH SỐ 805..... 626 KINH SỐ
806..... 626 KINH SỐ
807..... 627 KINH SỐ
808..... 628 KINH SỐ
809..... 629 KINH SỐ
810..... 630 KINH SỐ
811-812..... 632 KINH SỐ
813..... 632 KINH SỐ
814..... 634 KINH SỐ
815..... 634 KINH SỐ
816..... 636 KINH SỐ
817..... 636 KINH SỐ
818..... 637 KINH SỐ
819..... 637 KINH SỐ
820..... 637 KINH SỐ 821
..... 638 KINH SỐ
822..... 639 KINH SỐ 823

..... 640 KINH SỔ
824..... 640 KINH SỐ
825..... 641 KINH SỐ
826..... 641 KINH SỐ
827..... 642 KINH SỔ
828.....643 KINH SỐ
829..... 643 KINH SỐ
830..... 644 KINH SỐ 831
..... 646 KINH SỐ
832..... 646 KINH SỐ
833..... 646 KINH SỐ
834..... 647 KINH SỐ
835..... 648 KINH SỐ
836..... 648 KINH SỐ
837..... 648 KINH SỐ
838..... 650 KINH SỐ
839..... 650 KINH SỐ
840..... 650 KINH SỐ 841
..... 650 KINH SỐ
842..... 651

xliv KINH TẠP A-HÀM _____

KINH số 843..... 651 KINH SỐ
844..... 652 KINH SỐ
845.....653 KINH SỐ
846..... 654 KINH SỐ
847..... 654 KINH SỐ
848..... 654 KINH SỐ
849..... 656 KINH SỐ
850..... 656 KINH SỐ 851
..... 657 KINH SỔ
852..... 657 KINH SỐ 853
..... 657 KINH SỐ
854..... 658 KINH SỐ
855..... 659 KINH SỐ
856..... 659 KINH SỐ
857..... 660 KINH SỐ
858..... 661 KINH SỐ
859..... 661 KINH SỐ
860..... 661 KINH SỐ 861
.....663 KINH SỐ
862.....663 KINH SỐ 863
..... 664 KINH SỔ

864..... 664 KINH SỐ
865..... 664 KINH SỐ
866..... 665 KINH SỐ
867..... 665 KINH SỐ
868..... 665 KINH SỐ
869..... 666 KINH SO
870..... 666 KINH SỔ 871
..... 666 KINH SỐ
872..... 667 KINH SỐ 873
..... 667 KINH SỐ
874..... 668 KINH SỐ
875..... 668 KINH SỐ
876..... 669 KINH SỐ
877..... 669 KINH SỐ
878..... 669 KINH SỐ
879..... 670

KINH SỐ 880..... 671 KINH SỐ 881
..... 671 KINH SỐ
882..... 671 KINH SỐ 883
.....673 KINH SỐ
884.....675 KINH SỐ
885..... 675 KINH SỐ
886..... 676 KINH SỐ
887..... 677 KINH SỐ
888..... 678 KINH SỔ
889..... 678 KINH SỐ
890..... 678 KINH SỐ 891
..... 679 KINH SỐ
892..... 679 KINH SỐ 893
..... 680 KINH SỐ
894..... 680 KINH SỐ
895..... 681 KINH SỐ
896..... 681 KINH SỐ
897..... 681 KINH SỐ
898..... 682 KINH SỐ
899..... 682 KINH SỐ
900..... 682 KINH SỐ 901
..... 683 KINH SO
902..... 683 KINH SỐ 903
..... 683 KINH SỐ
904..... 683 KINH SỐ

905..... 684 KINH SỐ
906.....685 KINH SỔ
907..... 686 KINH SỐ
908..... 688 KINH SỔ
909..... 689 KINH SỐ
910..... 690 KINH SỐ
911..... 691 KINH SỐ
912..... 693 KINH SỐ
913.....695 KINH SỐ
914..... 697 KINH SỐ
915..... 699 KINH SỐ
916..... 702

xlvi KINH TẠPA-HÀM

KINH SỐ 917..... 704 KINH SỐ
918..... 705 KINH SỐ
919..... 706 KINH SỐ
920..... 707 KINH SỐ 921
..... 708 KINH SỐ
922..... 708 KINH SỐ 923
..... 709 KINH SỐ
924..... 711 KINH SỔ
925..... 712 KINH SỐ
926..... 713 KINH SỐ
927..... 715 KINH SỐ
928..... 716 KINH SỐ
929..... 717 KINH SỐ
930..... 719 KINH SỐ
931..... 719 KINH SỔ
932..... 721 KINH SỐ 933
..... 722 KINH SỐ
934..... 723 KINH SỐ
935..... 724 KINH SỐ
936..... 725 KINH SỐ
937..... 727 KINH SỐ
938..... 728 KINH SỐ
939..... 729 KINH SỐ
940..... 730 KINH SỐ 941
..... 731 KINH SỐ
942..... 731 KINH SỐ 943
..... 731 KINH SỔ
944..... 731 KINH SỐ
945..... 732 KINH SỐ

946..... 732 KINH SỐ
947..... 733 KINH SỐ
948..... 733 KINH SỐ
949..... 734 KINH SỐ
950..... 735 KINH SỐ 951
..... 735 KINH SỐ
952..... 736 KINH SỔ 953
..... 736

KINH SỐ 954..... 736 KINH SỐ
955..... 737 KINH SỐ
956..... 737 KINH SỐ
957..... 738 KINH SỐ
958..... 740 KINH SỐ
959..... 741 KINH SỐ
960..... 742 KINH SỐ 961
.....743 KINH SỐ
962..... 744 KINH SỐ 963
..... 746 KINH SỐ
964..... 747 KINH SỐ
965..... 751 KINH SỐ
966..... 752 KINH SỐ
967..... 753 KINH SỐ
968..... 754 KINH SỐ
969..... 757 KINH SỐ
970..... 759 KINH SỐ 971
..... 761 KINH SỐ
972..... 762 KINH SỐ 973
..... 763 KINH SỐ
974..... 764 KINH SỐ 975
.....765 KINH SỐ
976..... 767 KINH SỐ
977..... 767 KINH SỐ
978..... 769 KINH SỐ
979..... 770 KINH SỐ
980..... 772 KINH SỐ 981
..... 774 KINH SỐ
982.....775 KINH SỐ 983
..... 776 KINH SỐ
984..... 777 KINH SỐ 985
..... 777 KINH SỐ
986..... 779 KINH SỐ

987..... 779 KINH SỐ
988..... 780 KINH SỐ
989..... 781 KINH SỐ
990..... 781

xlviii KINH TẠPA-HÀM _____

KINH SỐ 991 ..... 783 KINH SỐ
992..... 784 KINH SỐ 993
..... 785 KINH SỐ
994..... 786 KINH SỐ
995..... 789 KINH SỔ
996..... 790 KINH SỐ
997..... 790 KINH SỐ
998..... 791 KINH SỐ
999..... 791 KINH SỐ
1000.....793 KINH SỐ 1001
..... 794 KINH SỐ
1002..... 795 KINH SỐ 1003
..... 795 KINH SỐ
1004.....795 KINH SỐ
1005..... 796 KINH SỐ
1006..... 796 KINH SỐ
1007..... 797 KINH SỔ
1008..... 797 KINH SỔ
1009..... 798 KINH SỐ
1010..... 799 KINH SỐ
1011..... 799 KINH SỐ
1012..... 800 KINH SỐ
1013..... 800 KINH SỐ
1014..... 801 KINH SỐ
1015..... 801 KINH SỐ
1016..... 802 KINH SỐ
1017..... 802 KINH SỐ
1018..... 803 KINH SỐ
1019..... 803 KINH SỐ
1020..... 804 KINH SỐ 1021
..... 804 KINH SỐ
1022.....805 KINH SỐ
1023..... 805 KINH SỐ
1024..... 807 KINH SỐ
1025..... 808 KINH SỐ
1026..... 810 KINH SỐ
1027..... 811

KINH SỐ 1028..... 811 KINH SỐ 1029..... 813 KINH SỐ 1030..... 813 KINH SỐ 1031..... 814 KINH SỐ 1032..... 815 KINH SỐ 1033..... 816 KINH SỐ 1034..... 817 KINH SỐ 1035.....818 KINH SỐ 1036.....818 KINH SỐ 1037..... 819 KINH SỐ 1038..... 819 KINH SỐ 1039..... 820 KINH SỐ 1040..... 822 KINH SỐ 1041 ..... 823 KINH SỐ 1042..... 825 KINH SỐ 1043..... 827 KINH SỐ 1044..... 827 KINH SỐ 1045.....828 KINH SỐ 1046..... 828 KINH SỐ 1047..... 829 KINH SỐ 1048..... 829 KINH SỐ 1049..... 830 KINH SỐ 1050..... 831 KINH SỐ 1051 ..... 831 KINH SỐ 1052..... 832 KINH SỔ 1053..... 832 KINH SỔ 1054..... 832 KINH SỐ 1055..... 833 KINH SỐ 1056..... 833 KINH SỐ 1057..... 833 KINH SỐ 1058..... 834 KINH SỐ 1059..... 834 KINH SỐ 1060..... 835 KINH SỐ 1061 ..... 835 KINH SỐ 1062..... 835 KINH SỐ 1063..... 836 KINH SỔ 1064.....837

l KINH TẠPA-HÀM

KINH SỐ 1065..... 838 KINH SỐ 1066..... 838 KINH SỐ

1067..... 839 KINH SỐ
1068..... 839 KINH SỐ
1069..... 840 KINH SỐ
1070..... 841 KINH SỐ 1071
..... 841 KINH SỐ
1072..... 842 KINH SỐ
1073..... 843 KINH SỐ
1074..... 844 KINH SỐ
1075..... 846 KINH SỐ
1076..... 849 KINH SỐ
1077..... 850 KINH SỐ
1078..... 852 KINH SỐ
1079..... 854 KINH SỐ
1080..... 855 KINH SỐ 1081
..... 856 KINH SỐ
1082..... 857 KINH SỐ
1083..... 859 KINH SỐ
1084..... 860 KINH SỐ
1085..... 861 KINH SỐ
1086..... 861 KINH SỐ
1087..... 862 KINH SỐ
1088..... 862 KINH SỐ
1089..... 863 KINH SỐ
1090..... 864 KINH SỐ 1091
..... 864 KINH SỐ
1092..... 866 KINH SỐ
1093..... 869 KINH SỐ
1094..... 869 KINH SỐ
1095..... 870 KINH SỐ
1096..... 871 KINH SỐ
1097..... 871 KINH SỐ
1098..... 872 KINH SỐ
1099..... 873 KINH SỐ
1100..... 874 KINH SỔ
HOI..... 875

KINH SỐ 1102..... 876 KINH SỐ
1103..... 876 KINH SỐ
1104..... 877 KINH SỐ
1105..... 877 KINH SỐ
1106.....878 KINH SỐ
1107..... 880 KINH SỐ

1108..... 881 KINH SỐ
1109..... 882 KINH SỐ
1110..... 883 KINH SỐ
lin..... 884 KINH SỔ
1112..... 886 KINH SỐ
1113..... 886 KINH SỐ
1114..... 887 KINH SỐ
1115..... 889 KINH SỐ
1116..... 891 KINH SỐ
1117..... 892 KINH SỐ
1118..... 893 KINH SỐ
1119..... 894 KINH SỐ
1120..... 895 KINH SỐ
1121..... 897 KINH SỐ
1122.....898 KINH SỐ 1123
.....900 KINH SỐ
1124.....901 KINH SỐ
1125..... 901 KINH SỐ
1126..... 901 KINH SỔ
1127..... 901 KINH SỐ
1128..... 902 KINH SỐ
1129..... 902 KINH SỐ
1130.....902 KINH SỐ
1131..... 903 KINH SỐ
1132..... 903 KINH SỐ 1133
..... 903 KINH SỐ
1134..... 904 KINH SỐ 1135
..... 904 KINH SỐ
1136.....905 KINH SỐ
1137..... 906 KINH SỐ
1138..... 907

lii KINH TẠPA-HÀM

KINH SỐ 1139.....909 KINH SỐ
1140.....910 KINH SỐ
1141..... 911 KINH SỔ
1142.....912 KINH SỐ
1143.....913 KINH SỔ
1144.....915 KINH SỐ
1145.....918 KINH SỐ
1146.....920 KINH SỐ
1147.....922 KINH SỐ
1148.....923 KINH SỐ

1149.....924 KINH SỔ
1150.....926 KINH SỐ
1151.....927 KINH SỐ
1152.....927 KINH SỐ 1153
.....928 KINH SỐ
1154.....929 KINH SỐ
1155.....929 KINH SỐ
1156.....930 KINH SỐ
1157.....930 KINH SỐ
1158.....932 KINH SỐ
1159.....933 KINH SỔ
1160.....934 KINH SỐ
1161..... 935 KINH SỐ
1162.....935 KINH SỐ 1163
.....936 KINH SỐ
1164.....937 KINH SỐ 1165
.....938 KINH SỐ
1166.....940 KINH SỐ
1167..... 940 KINH SỐ
1168..... 941 KINH SỐ
1169.....942 KINH SỐ
1170.....944 KINH SỐ
1171.....944 KINH SỐ
1172..... 945 KINH SỐ 1173
.....946 KINH SỐ
1174.....948 KINH SỐ
1175..... 951

KINH SỐ 1176.....953 KINH SỐ
1177.....956 KINH SỐ
1178.....957 KINH SỐ
1179.....960 KINH SỐ
1180.....962 KINH SỐ
1181.....962 KINH SỐ
1182.....963 KINH SỐ 1183
.....964 KINH SỐ
1184.....965 KINH SỐ
1185.....967 KINH SỐ
1186.....968 KINH SỐ
1187.....968 KINH SỐ
1188.....968 KINH SỐ
1189.....969 KINH SỐ

1190.....970 KINH SỐ
1191.....971 KINH SỐ
1192.....972 KINH SỐ 1193
.....972 KINH SỐ
1194.....974 KINH SỐ 1195
.....975 KINH SỐ
1196.....976 KINH SỐ
1197.....978 KINH SỐ
1198.....979 KINH SỐ
1199.....980 KINH SỐ
1200..... 981 KINH SỐ 1201
..... 981 KINH SỐ
1202..... 982 KINH SỐ
1203..... 983 KINH SỐ
1204.....984 KINH SỐ
1205.....984 KINH SỐ
1206..... 985 KINH SỐ
1207.....986 KINH SỐ
1208..... 987 KINH SỐ
1209.....988 KINH SỐ
1210..... 988 KINH SỐ
1211.....989 KINH SỐ
1212.....989

KINH SỐ 1213..... 992 KINH SỐ
1214..... 992 KINH SỐ
1215..... 993 KINH SỐ
1216..... 994 KINH SỐ
1217..... 994 KINH SỐ
1218..... 995 KINH SỐ
1219..... 996 KINH SỐ
1220..... 997 KINH SỐ 1221
..... 997 KINH SỐ
1222..... 999 KINH SỐ 1223
..... 999 KINH SỐ
1224.....1000 KINH SỐ
1225..... 1002 KINH SỐ
1226..... 1002 KINH SỐ
1227..... 1003 KINH SỐ
1228..... 1004 KINH SỐ
1229..... 1005 KINH SỐ
1230..... 1006 KINH SỐ

1231.....1007 KINH SỐ
1232..... 1008 KINH SỐ
1233..... 1009 KINH SỐ
1234..... 1011 KINH SỐ
1235..... 1011 KINH SỐ
1236..... 1012 KINH SỐ
1237..... 1012 KINH SỐ
1238..... 1013 KINH SỐ
1239.....1014 KINH SỔ
1240..... 1015 KINH SỐ
1241..... 1016 KINH SỔ
1242..... 1018 KINH SỐ
1243..... 1018 KINH SỐ
1244.....1019 KINH SỐ
1245.....1020 KINH SỐ
1246..... 1020 KINH SỔ
1247..... 1021 KINH SỐ
1248..... 1022 KINH SỔ
1249..... 1023

MỤC LỤC Iv

KINH SỐ 1250..... 1025 KINH SỐ
1251..... 1026 KINH SỐ
1252..... 1027 KINH SỐ
1253..... 1028 KINH SỐ
1254..... 1028 KINH SỐ
1255.....1029 KINH SỐ
1256..... 1029 KINH SỐ
1257..... 1029 KINH SỐ
1258..... 1030 KINH SỐ
1259..... 1031 KINH SỐ
1260..... 1032 KINH SỐ
1261..... 1032 KINH SỐ
1262..... 1033 KINH SỐ
1263..... 1033 KINH SỐ
1264..... 1037 KINH SỐ
1265..... 1037 KINH SỐ
1266..... 1041 KINH SỐ
1267..... 1043 KINH SỐ
1268.....1044 KINH SỐ
1269..... 1045 KINH SỐ
1270..... 1045 KINH SỐ
1271..... 1046 KINH SỐ

1272..... 1047 KINH SỐ
1273..... 1048 KINH SỐ
1274..... 1049 KINH SỐ
1275..... 1050 KINH SỐ
1276..... 1051 KINH SỐ
1277..... 1051 KINH SỐ
1278..... 1052 KINH SỐ
1279..... 1054 KINH SỐ
1280..... 1055 KINH SỐ
1281..... 1056 KINH SỐ
1282..... 1056 KINH SỐ
1283..... 1057 KINH SỐ
1284..... 1057 KINH SỐ
1285..... 1059 KINH SỐ
1286..... 1060

Ivi KINH TẠP A-HÀM

KINH SỐ 1287..... 1060 KINH SỐ
1288..... 1061 KINH SỐ
1289..... 1062 KINH SỔ
1290..... 1063 KINH SỐ
1291..... 1063 KINH SỐ
1292..... 1064 KINH SỐ
1293.....1064 KINH SỐ
1294..... 1065 KINH SỐ
1295..... 1065 KINH SỐ
1296.....1066 KINH SỐ
1297..... 1067 KINH SỐ
1298..... 1067 KINH SỐ
1299..... 1067 KINH SỔ
1300..... 1068 KINH SỐ
1301..... 1069 KINH SỐ
1302..... 1069 KINH SỐ
1303.....1070 KINH SỐ
1304.....1070 KINH SỐ
1305..... 1071 KINH SỐ
1306..... 1071 KINH SỐ
1307..... 1072 KINH SỔ
1308..... 1073 KINH SỐ
1309..... 1075 KINH SỐ
1310..... 1076 KINH SỐ
1311..... 1076 KINH SỐ
1312..... 1077 KINH SỐ

1313..... 1077 KINH SỐ
1314..... 1078 KINH SỐ
1315..... 1078 KINH SỐ
1316..... 1079 KINH SỐ
1317..... 1079 KINH SỐ
1318.....1080 KINH SỐ
1319.....1080 KINH SỐ
1320..... 1081 KINH SỐ
1321..... 1082 KINH SỐ
1322..... 1082 KINH SỐ
1323..... 1083

MỤC LỤC Ivii

KINH SỐ 1324.....1084 KINH SỐ
1325..... 1085 KINH SỐ
1326..... 1086 KINH SỐ
1327..... 1088 KINH SỐ
1328..... 1089 KINH SỐ
1329..... 1090 KINH SỐ
1330..... 1094 KINH SỐ 1331
..... 1095 KINH SỐ
1332..... 1095 KINH SỐ
1333..... 1096 KINH SỐ
1334..... 1097 KINH SỐ
1335..... 1097 KINH SỐ
1336..... 1097 KINH SỐ
1337..... 1098 KINH SỐ
1338..... 1098 KINH SỐ
1339.....1100 KINH SỐ
1340..... 1100 KINH SỐ
1341..... 1100 KINH SỐ 1342
..... HOI KINH SỐ 1343
..... HOI KINH SỐ
1344.....1102 KINH SỐ
1345..... 1103 KINH SỐ
1346..... 1103 KINH SỐ
1347..... 1104 KINH SỐ
1348..... 1105 KINH SỐ
1349..... 1105 KINH SỐ
1350..... 1105 KINH SỐ
1351..... 1105 KINH SỐ
1352..... 1106 KINH SỐ
1353.....1106 KINH SỐ

1354..... 1107 KINH SỐ
1355..... 1107 KINH SỐ
1356..... 1107 KINH SỐ
1357..... 1108 KINH SỐ
1358..... 1108 KINH SỐ
1359..... 1109 KINH SỐ
1360..... 1109

Iviii KINH TẠP A-HÀM

KINH SỔ 1361..... 1110 KINH SỐ
1362.....1110

PHỤ LỤC l..... 1111 PHỤ LỤC
2..... 1119 SÁCH
DẪN..... 1125

BẢNG VIẾT TẮT TÁC PHẨM TIẾNG PĀLI

A. Añguttara Nikãya (Kinh Tăng chi bộ)
AA. Añguttara Nikāya Atthakathā (Chủ giải Kinh Tăng chỉ bộ)
Áp. Apadãna (Thảnh nhân ky sự)
ÁpA. Apadãna Atthakathā (Chủ giải Thánh nhân ky sự)
Asi. Atthasālinī (Chủ giải Pháp tụ)
Bvs. Buddhavamsa (Phật sử)
BvsA. Buddhavamsa Atthakathā (Chủ giải Phật sử)
CNid. CũỊaniddesa (Tiểu nghĩa thích / Tiểu diễn giải)
CNỈdA. CũỊanỉddesa Atthakathā -
9 ~
(Chu giải Tiêu nghĩa mích / Chu giai Tiêu diên giải)
Cp. Carỉyãpitaka {Hạnh tạng)
CpA. Cariyāpitaka Atthakathā (Chủ giải Hạnh tạng)
Cv. CũỊavagga (Tiểu phẩm)
Cvs. Cūlavamsa {Tiểu sử)
D. Dīghā Nikāya (Kinh Trường bộ)
DA Dīghā Nikāya Atthakathā (Chú giải Kinh Trường bọ)
Dh. Dhammapada (Kinh Pháp cu)
DhA. Dhammapada Atthakathā (Chủ giải Kỉnh Pháp cu)
Dhs. Dhammasañganī (Pháp tụ)
Dpvs. Dīpavamsa (Đảo sử)
Gãi. Gāthā (Therā và Therĩ): Trưởng lão Tăng kệ và Trưởng lão Ni kệ r ít. Itỉvuttaka (Kinh Phật thuyêt như vậy) ỉtA. Itivuttaka Atthakathā (Chủ giải Kinh Phật thuyết như vây)
J. Jātaka (Chuyện Tiền thân)

Kh. Khuddakapātha (Tiêu tụng)

lx KINH TẠPA-HÀM

Kkvt. Kañkhāvitaranī (Giải nghí) Kv. Kathāvatthu (Luận sự / Những điểm dỉ biệt) M. Majjhimā Nikãya (Kinh Trung bộ) MA. Majjhimā Nikãya Atthakathā (Chủ giải Kinh Trung bô) Mhbv. Mahābodhivamsa (Đại sử về cây Bồ-đề ở Tích Lan) Mhvs. Mahāvamsa (Đại sử) Miln. Milindapañha (Mi-tiên vân đáp / Mỉlinda vân đạo) MNid. Mahãniddesa (Đại nghĩa thích / Đại diễn giải) MNidA. Mahāniddesa Atthakathā (Chú giải Đại nghĩa thích / Chủ giải Đại diễn giải) MT. Majjhimā Nikãya Tĩkã (Phụ chú giải Kỉnh Trung bộ) Mv. Mahāvagga (Đại phẩm) Nỉd. Niddesa (Nghũỉ thích /Diễn giải) NidA. Nỉddesa Atthakathā (Chú giải Nghĩa thích / Chú giải Diễn giải) Netti. Nettipakaraụa (Chỉ đạo luận / cẩm nang học Phật) Pat. Patthāna (Duyên hệ) Pe. Petakopadesa (Chú thích Kỉnh tạng / Tìm hiểu Tam tạng) Ps. Patisambhidāmagga (Vô ngại giải đạo /Phân tích đạo) PsA. Patisambhidāmagga Atthakathā (Chủ giải Vô ngại giải đạo / Chú giải Phân tích đạo) "g. Puggalapañňatti (Nhân thi thiết) r PugA. Puggalapañňatti Atthakathā (Chú giải Nhân thi thiêt) Pv. Petavatthu (Ngợ quỷ sự / Chuyện nga quỷ) PvA, Petavatthu Atthakathā (Chủ giải Ngợ quỷ sự/ Chủ giải Chuyện nga quy) S. Samyutta Nikãya (Kinh Tương ưng bộ) SA. Samyutta Nỉkãya Atthakathā (Chú giải Kinh Tương ưng bộ) Sn. Suttanỉpãta (Kỉnh tập) SnA. Suttanỉpâta Atthakathā (Chủ giải Kỉnh tập) Sum. Sumañgalavilāsinī (Chú giải Kỉnh Trường bô) Thag. Theragãthã (Trưởng lão Tăng kệ) ThagA. Theragãthã Atthakathā (Chủ giải Trưởng lão Tăng kệ) Thĩg. Therīgāthā trưởng lão Ni kệ)

BẢNG VIẾT TẮT Ixi

ThĩgA. Therīgāthā Atthakathā (Chú giải Trưởng lão Ni kệ)

Thũvs. Thūpavamsa (Biên niên sử chùa tháp Tích Lan)

Ud. Udãna (Kinh Phật tự thuyết / Cảm hứng ngữ)

UdA. Udāna Atthakathā

(Chú giải Kỉnh Phật tự thuyết / Chú giải Cảm hứng ngữ)

Uj Upāsakajanālañkāra (Ưu-bà-tắc trang nghiêm)

Vbh. Vibhañga (Phân tích)

VbhA. Vibhañga Atthakathā (Chủ giải Phân tích)

Vin. Vỉnaya Pitaka {Luật tạng)

VinA. Vỉnaya Atthakathā (Chú giải Luật tạng)

Vism. Visuddhỉmagga (Thanh tịnh đạo)

Vv. Vimãnavatthu (Thiên cung sự / Chuyện thiên cung)

VvA. Vimānavatthu Atthakathā

(Chủ giải Thiên cung sự/ Chủ giải Chuyện thiên cung)

Yam. Yamaka (Song đổi)

TÁC PHẨM TIẾNG SANSKRIT

Divy. Divyāvadāna (Thiên cung sự)

Mhvu. Mahāvastu (Đại sự) r

MPS. Mahāparinirvānasūtra (Kinh Đại Bát-niêt-bàn)

TÁC PHẨM TIẾNG ANH BBS. Burmese-script Buddhasãsana Samỉtỉ edition of the Majjhimā Nikāya (Kinh Trung phiên bản tiếng Miến, NXB. Buddhasāsana Samiti) BD. Book ofDiscipline (Luật tạng) BI. Buddhist India (Phật giáo Ân Độ) BPE. Buddhist Manual ofPsychological Ethics (Cẩm nang Tâm ly Đạo đức Phật giáo) Cpd. Compendium ofphilosophy (Cương yêu Triết học / Tóm tát và giải thích bộ A bhidhammatthasañgaha) DB. Dialogues of the Buddha (Kinh Trường bọ) Expos. Expositor (Chủ giải Pháp tụ) GS. Gradual Sayings (Kinh Tăng chỉ bộ)

Ixii KINH TẠPA-HÀM _____

KS. Kindred Sayings (Kinh Tương ưng bộ)

MB. A Manual ofBuddhism (Câm nang Phật giáo)

MLS. Middle Length Sayings (Kinh Trung bộ)

QKM. Questions ofKing Milinda (Milinda vân đạo)

9

PC. Points of Controversy (Những diêm dỉ biệt) Pss. Breth, Psalms of the Brethren (Trưởng lão Tăng kệ) Pss. Sis. Psalms of the Sisters (Trưởng lão Ni kệ) SBB. Sacred Books of the Buddhists (Thánh điển Phật giáo) SBE The Sacred Books of the East (Thánh điển phương Đông)

TÁC PHẨM TIẾNG VIỆT TTTĐPGVN, Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam TTP V. Tam tạng Pali- Việt

KINH THEO ĐẠI CHÁNH TẠNG

ĐCT./Đại./T. Đại Chánh tân tu Đại tạng ()

N. Nam truyền Đại tạng Ấ7•()

Biệt Tạp. Biệt dịch Tạp A-hàm kỉnh ()

Tăng./EÂ. Tăng nhất A-hàm kinh (,Ekottarikāgamd)

Tạp./ SĀ, Tạp A-hàm kinh (,Samyuktāgama)

Trung./MA. Trung A-hàm kinh (,Mādhyamāgamd)

Trường./DÃ. Trường A-hàm kinh (,Dīrghāgama)

TỪ ĐIỂN BHSD. Buddhist Hybrid Sanskrit Dictionary (Từ điển Phật giáo Sanskrit hôn hợp) CPD. Critical Pali Dictionary (Từ điển Biện giải Pali) DPPN. Dictionary ofPali Proper Names (Từ điển Danh từ riêng Pall) EB. Encyclopaedia ofBuddhism (Bách khoa Từ điển Phật giáo) EPD. English-Pāli Dictionary (Từ điển Anh - Pali) ERE. Encyclopedia of Religion and Ethics (Bách khoa Từ điển Tôn giáo và Đạo đức) PED. Pali-English Dictionary (Từ điển Pali - Anh) PQĐTĐ. Phật Quang đại từ điển

BẢNG VIẾT TẮT Ixiii

TỔ CHỨC HIỆP HỘI VÀ TẠP CHÍ CST. Chattha Sañgāyana Tipitaka (Tam tạng kết tập lần thứ 6) PTS. Pali Text Society (Hội Thánh điển Pâli) CBETA. Chinese Buddhist Electronic Text Association (,Hiệp hội Phật điển điện tử Trung Hoa) SAT. The SAT Daizokyo Text Database (Cơ sở dữ liệu văn bản Đại tạng kinh) VRI. Vipassanā Research

Institute (Viện Nghiên cứu Thiền quán) JPTS. Journal ofPali Text Society (Tạp chí Hội Thảnh điển Pali) JRAS. Journal ofthe Royal Asiatic Society (Tạp chỉ Hội Hoàng gia A châu)

CÁC TỪ VIẾT TẮT Tiếng Việt

S. Tiếng Sanskrit P Tiếng Pali H. Tiếng Hán E. Tiếng Anh TTL. trước Tây lịch DL. Dương lịch PL. Phật lịch tr. trang Sđd. Sách đã dẫn NXB. Nhà xuất bản nt. như trên

HT. Hòa thượng TT. Thượng tọa ĐĐ. Đại đức NS. Ni sư FT-ī* A ~ se. Sư cô TS. Tiên sĩ ThS. Thạc sĩ ND. Người dịch BBT. Ban Biên tập

Tiếng Anh

AD. (Anno Domini) Công nguyên BC. (Before Christ) trước Công nguyên Cf. (confer) Tham chiếu, so sánh ed. (by) biên tập (bởi) edn. (edition) ấn bản etc. (ét cetera) vân vân...(VV...) f./ if. (following pages) trang kế tiếp / các trang kế tiếp fig- hình minh họa

Ixiv > KINH TẠPA-HÀM

ibid, (ibidem) cùng trang đã dẫn / như trên n. (note) chú thích op. cit (opere citato) sách đã dẫn p./pp (page/pages) trang / các trang (by) dịch bởi trans, (translation) bản dịch v. (verse) bài kệ, khổ ke, kệ ngôn Ven. (Venerable) Thượng tọa vol./ vols. (volume/ volumes) tập, quyển / các tập, các quyển

DẪN LUẬN KINH TẠPA-HÀM

I. TỔNG QUAN KINH TẠPA-HÀM 1. Tựa đề kỉnh và số lượng kỉnh Kinh Tạp A-hàm S. Samyukta Āgamā, Samyuktāgama,123 còn gọi là Tương ưngA-hàm ,Tương imgA-cấp-ma hay Tương ưng Tu-đa-la theo Đại sư Nghĩa Tịnh ,6?5713 và Đại sư Ấn Thuận ,1906-2005/ hoặc Tuyển tập các lời dạy về các nhóm chủ đe khác nhau Chủng chủng sự tương ưng giáo sở tập hay Các kinh phân theo nhiều nhóm chủ đề Tạp A-cấp-ma; Tạp loại A-cẩp-mă theo Đại sư Huyền Trang 602-664 trong Du-già sư đỉa luận thích S. Yogācārabhūmi-sāstrakārikā. P Dựa vào cách thức tổ chức văn bản, bố cục và nội dung giáo pháp, có thể thấy rằng, bộ Kỉnh Tạp A-hàm của Phật giáo Bộ phái được biên tập khá sớm so với các bộ kinh khác, khoảng đầu kỷ nguyên Tây lịch. Trong tựa đề Sanskrit, "Samyukta Āgamā" được tạo thành bởi chữ "samyukta" có nghĩa là unối kế hay "c6 liên hệ" connected và chữ "āgamc^ thường được phiên âm là "Acấp-ma",có nghĩa là "tuyển tập Thánh giáo"hay "tuyển tập các kinh".Trong Hán ngữ, chữ "tạp" có nhiều nghĩa như hỗn tạp, hỗn hợp, trộn lộn, pha trộn, lộn xộn, không thuần, tạp nhạp, nhiều loại, lặt vặt, linh tinh, lẫn lộn. Trong ngữ cảnh của Kinh Tạp A-hàm. chữ “tạp” c6 nghĩa là "tương ưng” S. samyukta. p. samyutta., chỉ cho các nhóm kinh group of discourses} có nội dung liên hệ connected discourses hoặc các nhóm kinh ngắn về nhiều chủ đề khác nhau , chủng chủng tương ưng. Do vậy, Kinh Tạp A-hàm có thể dịch trong tiếng Việt là Tuyên tập các chủ đê khác nhau hay Kinh có chủ đê liên hệ.

1 Tạp A-hàm của ấn bản CBETA'. https://tripitaka.cbeta.org/ T02n0099 truy cập ngày 01-12-2021. 3 Du-gia sư địa luận thích S. Yogācārabhūmi-śāstrakārikā,có nghĩa là ^Giải thích luận về cảnh giới của bậc thầy Du-gia'\ l quyển, có mã số b^ì văn ữong Đại Chảnh tân ỉuĐại tạng kinh là T30nl580, l quyển do Tối Thắng Ti£Jinaputrā,sAng Huyền Trang dịch ngày 08-3-650. Bản Việt do Hòa thượng Thích Tâm Châu dích. CBETA'. http://tripit^ca.cbeta.org/ I30nl580.

Ixvi KINH TẠPA-HÀM

Đứng từ góc độ văn học Phật giáo, "A-hàm" S. Āgamā, PíT# trong Hán ngữ là tuyển tập hàng ngàn kinh của Phật giáo Bộ phái tương ứng với "Pali Nikāya55 tức tuyển tập hơn 17.000 kinh Pâli của Thượng Tọa bộ. Các học giả cho rằng Kinh Tạp A-hàm là tuyển tập kinh A-hàm được biên tập sớm nhất trong bốn tuyển tập kinh A-hàm S. catvāri-āgama, tứ bộ A-hàm kinh,,tứ A-cấp-ma thuộc Kinh tạng Phật giáo Bộ phái, do đó5 chứa đựng những lời dạy được xem là sớm nhất trong các bản văn Phật giáo. về số lượng kinh trong Kỉnh Tạp A-hàm. do cách tính khác nhau về các kinh trùng lắp tạo nên số lượng kinh khác nhau. Theo cách tính thông dụng trước giờ, Kinh Tạp A-hàm gồm 50 quyển và 1.362 kinh theo các nhóm chủ đề khác nhau, phần lớn là các kinh rất ngắn. Trong tác phẩm của mình Tạp A-hàm kinh luận hội biên ,4 gọi tắt là Hội biên ,Đại sư Ấn Thuận liệt ra 13.412 kinh thuộc Kinh Tạp A-hàm. đang khi tác phẩm Quốc dịch nhất thiết kỉnh 5 của Nhật Bản nêu ra 13.443 kinh, được xem là cách tính số kinh nhiều nhất so với các ấn bản Kinh Tạp A-hàm. Bản Hán ngữ của Kinh Tạp A-hàm trong Tạp A-hàm kinh luận hội biên là bản dịch từ Sanskrit của cầu-na-bạt- đà-la S. Gunabhadra,394-468 vào năm 443. Quyển luận về tác phẩm này chính là Du-già sư địa luận chủ yếu là chương "Nhiếp sự phần55 do ngài Huyền Trang dịch từ Sanskrit sang Hán ngữ vào năm 648. Dựa vào nội dung của các bài kinh, Đại sư Ấn Thuận và nhóm biên tập bộ Quốc dịch nhất thiết kinh đã so sánh Kỉnh Tạp A-hàm với Kinh Tương ưng của văn học Pali, liệt dẫn ra tổng số bài kinh, điều chỉnh mục lục, thứ tự của các bài kinh để đạt tính logic và hợp lý hơn. 2. Các bản dịch Kinh Tạp A-hàm và mã số bản văn trong Đại Chánh CÓ bôn bản dịch Hán ngữ của Kinh Tạp A-hàm. trong đó, ba bản dịch cô đại diện cho ba tông phái Phật giáo gồm Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ S. Sarvāstivāda, ,Ẩm Quang bộ S. Kāśyapīya,,bản còn lại không rõ tông phái và bản dịch Bạch thoại mang tính so sánh, giải thích.

4 Tác phẩm Tạp A-ham kinh luận hôi của Đại sư Ấn Thuận được NXB. Chánh Văn JE xuất bản lần đầu vào năm 1983, tái bản năm 1994. Độc giả có thể xem toàn văn của 5 Quốc dịch nhất thiết là tùng thư về Kinh, Luật, Luận, gồm 255 quyển được tuyển chọn và phiên dịch ra Nhật ngữ, do NXB. Đại Đông in. Nội dung tuyển tập này gồm 2 phần: i Tuyển tập 155 bản văn được trước tác ở An Độ, đã được dịch ra Hán ngữ và Nhật ngữ, xuất bản lần đầu vào năm 1936 và tái bản năm 1978, g6m các bộ A-hàm, bộ Bản duyên, bộ Bát-nhã, bộ Pháp Hoa, bộ Hoa Nghiêm, bộ Luận triêt; ii Tuyên tập 100 bản văn do Trung Quốc và Nhật Bản trước tác, chủ yếu là van học chú giải về Tam tạng, sử truyện, xuất bản vào năm 1958.

i Kinh TạpA-hàm của Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ: Ấn bản Sanskrit của Kinh Tạp A-hàm được ngài Pháp Hiển 337-422 từ Tích Lan mang về Trung Quốc vào thế kỷ v Đây là bản Hán ngữ hoàn chỉnh nhất của Kinh Tạp A-hàm do Tôn giả cầu-na-bạt-đà-la dịch vào năm 435-443 đời Lưu Tống, tại chùa Ngõa Quan ,6 gồm có 1.362 kinh. Trong Đợi Chánh tân tu Đại tạng kinh Kinh TạpA-hàm ú^xọcA-hàm bộ là bản văn thứ 100 trong tập 1. Mã số Kinh TạpA-hàm trong ấn bản CBETA tức ấn bản điện tử của Hiệp hội Phật điển điện tử Trung Hoa Chinese Buddhist Electronic Text Association^ là T02n00995 trong khi mã số tựa đề Đại Chánh của SAT6789 là T0001 99.10 Trong ấn bản online của CBETA, mã số truy cập của quyển thứ nhất11 là T02n0099_001 và mã số truy cập của quyển 5012 là T02n0099_050. ii Biệt dịch Tạp A~hàm kinh nghĩa la Bản dịch khác của Kinh Tạp A-hàm có lẽ thuộc Ẩm Quang bộ,13 gồm 16 quyển14 với 364 kinh được dịch vào khoảng năm 352-431 trong triều đại Tam Tan ,không rõ dịch giả, có mã số bản văn trong Đại Chảnh tân tu Đại tạng kinh là T02n0100.15

6 Thamchiếu thông tin chi tiếttrong bài nghiên cứu sau đây: Enomoto, Fumio 1986, "On the Formation of the Original Texts of the Chinese Amas", Buddhist Studies Review 3 1, 19-30. Đọc thêm các thông tin thú vị trong bài viêt sau đây: Tripāthī^ Chandra Ed. 1962. ^Fūrifundzwanzig Sutras Des Nidanasamyuktc^ in Sanskrittexte aus dèn Turfanfunden Vol. VIII, edited by Ernst Waldschmidt Berlin: Akademie-Verlag, 1962. 7 Đại Chảnh tân tu Đại tạng kinh Taisho Shinshu Daizokyo,do Takakusu Junjiro ,Cao Nam Thuận Thứ Lang và Watanabe Kaikyoku ,Độ Biên Hải Húc chủ biên, gồm 85 tập chữ Hán, lần đầu được NXB. Đại Đông xuất bản tại Tqkyo^vao năm 1924-34, nhanh chóng sau đó trở thành nguồn tài liệu góc của các nghiến cứu và trích dẫn về văn học Phật giáo Trung Quốc quan trọng nhất trên thế giới. 8 CBETA được thành lập vào ngày 15-02-1998, do Thượng tọa Huệ Mần làm Tổng Biên tập. Các cơ quan tham gia thực hiện có Viện Nghiên cứu Phất học Trung Hoa Pháp cổ Sơn, EỈại học Tning ương, Đại học Huyền Trang, Học viện Phật học Hương Quang, Học viện Phạt học Viên Quang, Học viện Phật học Phước Nghiêm và Hoa Nghiêm liền xã. CBETA la ídiô tư liệu điện tư bang chir Han của ấn bản Đại Chảnh đầy đủ nhất từ trước đến nay. Đen ngày 18-02-2006, CBETA đã hoàn tất các tập 1-55 và 85 7.877 vạn chư của Đại Chảnh. Đen nam 2007, CBETA hoàn tát Vạn Tân tục "g 7.122 vạn chữ. Ấn bản offline có thể download tại: http://www.cbeta.org/download/cbreader.php. 9 SAT có nghĩa là “Co sở dữ liệu văn bản Đại tạng kmh?, thường gọi là ấn bản SAT, có trụ sở tại Tokyo, Nhật Bản, hoàn thành điện tử hóa các tập 56-84 cua Đại Chánh tan tu Đại tạng kinh. cũng là tổ chức giư tác quyền và cho phép CBETA thực hiện điện tử hóa các tập l -55 và 85 của Đại Chảnh tân tu Đại tạng kinh. 10 Kỉnh TạpA-hàm của ấn bản SAT: https://21 dzk.Lu-tokyo.ac.jp/SAT2012/ddb-sat2.php truy cập ngày 01-12-2021. 11 Kỉnh Tạp A-ham quyển l: https://tripitaka.cbeta.org/T02n0099_001 truy cập ngày 01-12-2021. 12 Kỉnh Tạp A-hàm quyển 50: https://tripitaka.cbeta.org/T02n0099_050 truy cập ngày 01-12-2021. 13 về nguồn gốc, theo ngài Ấn Thuận ương Nguyen thủy Phật giáo Thảnh

điển chi tập thành ,bộ kinh này có vấn đề về bộ phái. Một vài thư tịch cổ cho rằng Biệt dịch TgpA-ham kinh thuộc Ẩm Quang bộ, hoặc ức đoán là Hóa Địa bộ, hoặc Pháp Tạng bộ 14 Theo Lịch đại Tam bảo kỷ M % quyển 14; Chủng kỉnh mục lục ,quyển 3; Khai Nguyên Thích giảo lục ,quyền 13, Biệt dịch Tạp A-ham có 20 quyển: Ồ 15 Kỉnh Tạp A-hàm bản dịch khác ,g dịch Tạp A-hàm kinh của ấn bản CBETA tại địa

Ixviii KINH TẠPA-HÀM

Có ân bản khác của bản dịch Kinh Tạp A-hàm tại Trung Quôc, gôm 20 quyên (),dịch vào năm 431 được bố cục logic hơn.16 Thực chất, đây là bản dịch ngan (The shorter Chinese Samyukta Āgamā) hay bản dịch không hoàn chỉnh incomplete Chinese translation of the Samyukta Āgamā) về Kỉnh Tạp A-ham của Ẩm Quang bộ, nói đúng hơn chỉ còn một phần.17 (iii) Bản dịch Kinh Tạp A-hàm^ l quyển. Bản dịch chữ Hán không hoàn chỉnh của Kỉnh Tạp A-hàm chỉ có l quyển, được dịch vào năm 222-280 (triều đại nhà Ngô,),không rõ người dịch, không rõ bộ phái Phật giáo nào sử dụng, có mã số bản văn trong Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh là T02n0101.18* 2về 0 niên dại, đây là bản dịch sớm nhất của Kinh Tạp A-hàm bằng Hán ngữ, rất tiếc phần lớn các chương của bản dịch này đã bị thất lạc. (iv) Bản Tạp A-hàm kinh hiệu thích (The Collation and Annotation of Samyuktāgama) bằng tiếng Bạch thoại do Vương Kiến Vĩ (1958-) và Kim Huy (1971)9 dịch trong 10 năm, gồm 8 tập, được NXB. Trường Đại học Sư phạm Hoa Đông in lần đầu vào ngày o l-7-2014; Bản dịch này được trao 3 giải thưởng danh giá gồm Giải thưởng Sách cổ Xuất sắc Quốc gia (National Excellent Ancient BookAyvard)^ Giải thưởng Sách cổ Xuất sắc Hoa Đông (Excellent Ancient Book Award in East China) năm 2014 và đoạt Giải nhất của Giải thưởng Sách Thượng Hải lần 14 (14th Shanghai Book Aware/).21 Bản dịch và chú thích mới này có 4 phần, 7 chương, 56 nhóm chủ đề (samyuktci) và 8.491 kinh, với 3.720 trang. Đóng góp chính của bản dịch Bạch thoại này là cung cap các thông tin đôi chiêu giữa Kinh Tạp A-hàm và các kinh thuộc Thượng Tọa bộ cũng như A-tỳ-đạt-ma (Abhidhammd) bằng Pali và Hán ngữ, đồng thời phân loại và khôi phục các bản văn có liên hệ, bổ sung một số kmh bị that lạc. 3. Ba bản dịch chữ Việt Kỉnh Tạp A-ham có 3 bản dịch chữ Việt hiện đang lưu hành dưới dạng sách in và online. Mặc dù rất muốn in tất cả 3 bản dịch trong ấn bản Tam tạng Thánh

16 Xem các nghiên cứu chi tiết về ấn bản 16 quyển và ấn bản 20 quyển qua 2 bài viết sau đây: (i) Bucknell, Roderick, “The Two Versions of the Other Translation of Saipyuktagama" in Chung-Hwa Buddhist Journal. 21: 23-54; (ii) Bingenheimer, Marcus (10-11-2006), “The Shorter Chmese Sarnyukta Āgamā: Preliminary Findings and Translation of Fascicle", Buddhist Studies Review 23 (1): 21-60. J :về vấn đề này, đọc thêm Từ điển Phật giảo (À Dictionary ofBuddhism) của Damien Keown (London: Oxford University Press, 2004). 18 Kỉnh TạpA-hàm không rõ dịch giả của ấn bản CBETA '. https://tripitaka.cbeta.org/T02n01 o l (truy cập ngày 01-12-2021). ^Vuang KienVĩ (Wang Jianwei) và Kim Huy (Jin Húi) tốt nghiệp tại Đại học Sư phạm Hoa Đông (

East China Normal University) và học Phật học tại Đại học Kelaniya, Tích Lan.
20 "..;32014 Sinobook.(truy cập
ngày 21-6-2016).

diên Phật giáo Việt Nam nhăm tôn vinh đóng góp của các dịch giả Việt Nam, nhung do những hạn chế về tác quyền, Ban Biên tập chỉ có thể sử dụng bản dịch 1 và iii: i Kinh Tạp A-hàní12 do Hòa thượng Thh Thiện Siêu và Hòa thượng Thích Thanh Từ dịch trước năm 1975, Hội đồng Quản trị Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam biên tập và xuất bản năm 1994-95. ii Kinh Tạp A-hàm13 do Hòa thượng Thích Đức Thắng dịch, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ hiệu đính và chú thích năm 2002, NXB. Phương Đông xuất bản lần đầu năm 2010, tái bản năm 2015.22 2425 23 iii Kỉnh Tạp A-hàm do Trung tâm dịch thuật Trí Tịnh thuộc Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam phiên dịch, từ tháng 12-2018 đến tháng 5-2021. 4. Bộ phái truyền thừa Kinh Tạp A-hàm Bốn bộ kinh A-hàm Āgamā là Kinh tạng căn bản? quan trọng và cũng là tụng bản Ecủa Phật giáo Bộ phái npviết bằng Sanskrit vào khoảng thế kỷ 1,25 đượC các cao Tăng Ấn Độ gồm Phật-đà- da-xá S. Buddhayaśas,Cù-đàm Tăng-già-đề-bà S. Gautama Samghadeva,cầu-na-bạt-đà-la S. Gunabhadra, với sự cộng tác của các Sa-môn Trung Quốc gồm Trúc Phật Niệm ,Thích Đạo Hàm ,Thích Bao Vân ,Thích Tuẹ Tung Thích Tuệ Quán dịch ra Hán ngữ. Ngoài các bộ kinh A-hàm được dịch toàn bộ, có nhiều kinh lẻ thuộc hệ thống A-hàm cũng được tuyển dịch. Hiện vẫn còn vài bản chép tay trong tiếng Sanskrit của một số bài kinh A-hàm được bảo tồn trong Đại tạng kỉnh Tây Tạng , đặc biệt trong bộ Kangyur Cam-châu-nhi, bộ chứa đựng lời Phật dạy về Kinh tạng và Luật tạng .

22 Đây là bản dịch Kỉnh Tạp A-hàm đầu tiên và được in sớm nhất, đồng thời cũng là bản dịch được các nhóm dịch giả sau này tham khảo để các bản dịch hoàn chỉnh hơn. 23 Ấn bản online của Kỉnh Tạp A-hàm do Hòa thượng Thích Đức Thắng dịch và Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ viết lời giới thiệu và chú thích: https://thuvienhoasen.org/al 1294/kinh-tap-a-ham truy cập ngay 01-8-2022, https://www.daitangkinhvietnam.org/node/8728 hoặc ấn bản PDF tại địa chỉ https:// thuvienhoasen.org/images/file/yEY erJ l GOQgQAEIR/kinh-tap-a-ham-thich-duc-thang-dich.pdf. 24 Bản dịch này dựa theo cấu trúc của Tạp A hàm kinh luận hôi biên của Đại sư Ấn Thuận, nhưng điều khác biêt là co 8 tụng chương, 47 tưởnig img nhóm kinh, 1.360 kinh, trong khi bản của ngai Ấn Thuận có 7 tụng chương, 51 tương ưng nhóm kinh, 13.412 kinh. 25 Theo khảo cứu, khoảng cuối thế kỷ II, các bản kinh A-hàm chép tay theo trí nhớ đã du nhập vào Trung Quốc. Chi Khiêm là mọt trong những người đầu tiên dịch A-hàm. Mặt khác, bằng chứng xác thực nhất mới được khám phá gan đây là 29 ban kinh cổ viết tay trên vỏ cây bạch dương Betula Platyphyllà, có niên đại vào thế ky I, trong số đó có Kinh phúng tụng thuộc ^Trường A-harn. Ngài Dalai Lama gửi lời chúc mừng về phát hiện nay và được in đầu tiên trong tác phẩm: Richard Salomon, Ancient Buddhist Scrollsfrom

Gandhāra: The British Library Kharosthī Fragments Seattle: University of Washington Press, 1999, pp. 15, 89, 186.

về truyền thừa bộ phái, mỗi bộ trong bốn bộ kinh A-hàm được sử dụng làm tụng bản của các bộ phái Phật giáo khác nhau. Kinh Trường A-hàm Dĩrgha Āgamā.Tuyển tập kinh dài là tụng bản của Pháp Tạng bộ Dharmaguptaka,có nội dung tương đương với Kinh Trường bộ Dīghā Nikãya, cha Thượng Tọa bộ. Kỉnh Trung A-hàm là tụng bản 26

của Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ Sarvāstivāda,_tương đương Kinh Trung bộ {Majjhimā Nikāya,Tuyển tập kỉnh trung bình.21 Kỉnh Tăng nhất A-hàm Ekottarika Āgamā,thuộc Đại Chúng bộ Mahāsāinghika,tương đương với Kỉnh Tăng chi bộ Añguttara Nikāya,,Tuyển tập kỉnh các con số tăng dần. Kinh Tạp A-hàm Samyuktāgama Sūtra,là tụng bản của Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ Mūlasarvāstivāda, tương đương Kinh Tương ưng bộ Samyutta Nikãya, đang khi Biệt dịch ,28

Kinh Tạp A-hàm thuộc Ẩm Quang bộ tương đương với "Thiên có ke” trong Kinh Tương ưng bộ. Sau đây là thông tin mô tả vê truyên thừa bộ phái Phật giáo đối với bốn bộ kinh A-hàm. 1 Kình Trường A-hàm S. Dīrgha Āgamā,Tuyển tập kinh 29 22 quyển, TOlnOOOl, thuộc Pháp Tạng bộ. Phật-đà-da-xá và Trúc Phật dài,26 28 27 Niệm dịch từ Sanskrit ra Hán ngữ vào năm 413 đời Hậu Tần,,Thích Đạo Hàm ghi chép3031tại Trường An 7. 2 Kinh Trung A-hàm S. Madhyama Āgamā.Tuyển tập kinh trung 60 quyển, T01n0026, thuộc Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ. Tăng- ,31

già-la-xoa S. Samgharaksa,đọc bản Sanskrit, Cù-đàm Tăng-già- đề-bà dịch từ Sanskrit ra Hán ngữ, Thích Đạo Từ ghi chép từ ngày 12-12-397 đến ngày 24-7-398 đời Đông Tấn,.Theo quyển Xuất Tam tạng ky tập còn có bản dịch Kỉnh Trung A-hàm. 59 quyển đã thất lạc, do Sa-môn Đàm-ma-nan-đề S. Dharmānandī,Pháp Hỷ,

26 Kỉnh Trường bộ tức Tuyển tập 34 kinh dài JDīgha Nikāya,Trường bô kỉnh điển, D. 1-34 được HộiThánh điển Pali dích Anh ngữ và xuất bản vào năm 1899. Xem thông tin chi tiết về Kỉnh Trường gQ trong Thích Nhật Từ, Sô tay mục lục Tam tạng PãIi Hà Nội: NXB. Hông Đức, 2021, tr. 13-4; xem Dần lu Kỉnh Trường bộ, tr. 149-60. 27 Xem thông tin chi tiết về Kỉnh Trung bô trong Thích Nhật Từ, sổ tay mục lục Tam tạng Pali Hà Nội: NXB. Hồng Đức, 2021, tr. 14-5, Dần luận NQ Kỉnh Trung bộ, tĩ. 160-202. 28 Xem thông tin chi tiết về Kinh Tương ưng bộ trong Thích Nhật Từ, sổ tay mục lục Tam tans: Pali m Nọi: NXB Hong Đúc, 2021, tr. 15-9. • 29 Toàn văn Kinh Trường A-hàm theo ấn bản internet CBETA'. http://tripitaka.cbeta.org/TOlnOOOl truy cập ngày 01-8-2022. 30^Xem thông tin chi tiết trong Xuất Tam tạng ký tập .Nguyên văn như sau:" ằ.i!.:
iwf.lM; , 31 Toàn văn Kỉnh Trung A-hàm theo ấn

bản CBETA '. http://tripitaka.cbeta.org/TO l n0026 truy cập ngày 01-8-2022.

DẪN LUẬN Ixxi

đọc Sanskrit, Trúc Phật Niệm dịch Hán ngữ và Tuệ Tung ghi chép vào năm 384 đời Phù Tần,tại Trường An. 3 Kinh Tạp A-hàm S. Samyuktāgama Sutra,Tuyển tập kinh theo nhóm chủ 50 quyển, T02n0099, thuộc Căn Bản Thuyết Nhất Thiết ,32

Hữu bộ. cầu-na-bạt-đà-la đọc bản Sanskrit, Thích Bảo Vân dịch Hán ngữ vào năm 435-443 đời Lưu Tống,Thích Tuệ Quán ghi chép tại chùa Ngõa Quan, Nam Kinh . Biệt dịch Kinh Tạp A-hàm S. Samyuktāgama Sūtra, ^1,Bản dịch khác về tuyển tập kinh theo nhóm chủ %,33 20 quyển, T02n0100, thuộc Ẩm Quang bộ, được dịch vào năm 352-431 đời Tam Tần,không rõ dịch giả. 4 Kỉnh Tăng nhất A-hàm S. Ekottarika Āgamā.Tuyển tập kinh qua các con số, 51 quyển/4 T02n0125, thuộc Đại Chúng bộ hoặc Thuyết Xuất Thế bộ Lokottaravāda,.Cù-đàm Tăng-già-đề-bà dịch vào năm 398 đời Đông Tấn,tại Lô Sơn .Theo Lịch đại Tam bảo ky còn có bản dịch Kinh Trung A-hàm, 41 quyển, 5

do Sa-môn Đàm-ma-nan-đề đọc Sanskrit, Trúc Phật Niệm dịch Hán ngữ và Tuệ Tung ghi chép vào năm 384 đời Phù Tần,tại Trường An . Bài tựa tổng quát trong Tát-bà-đa Tỳ-ni Tỳ-bà-sa 36 đề cập đến đối tượng thính chúng của bốn bộ kinh A-hàm như sau: "Thuyết pháp tùy nghi cho con người và trời, Tăng nhát A-hàm có nội dung khuyến hóa người nghe; Trung A-hàm trình bày triết lý sâu xa cho các người thông thái và các học giả; Kỉnh Tạp A-hàm giới thiệu các pháp tu thiền, dành cho người tu thiền và Kinh Trường A-hàm đối thoại tôn giáo, bẻ gãy các học thuyết tôn giáo khác."37 Trên thực tế, nội dung của từng bộ trong bốn bộ kinh A-hàm đa dạng và phong phú hon, một mặt giới thiệu triết học Phật giáo, mặt khác mang tính đối thoại liên tôn giáo, liên triết học về các vấn đề, vấn nạn mà con người quan tâm và cần giải pháp giải quyết nỗi khổ niềm đau.*

32 Toàn văn Kinh Tạp A-hàm theo ấn bản CBETA'. http://tripitaka.cbeta.org/T02n0099 truy cập ngày 01-8-2022. 33 Toàn văn Kỉnh Tạp A-hàm biệt dịch theo ấn bản CBETA'. http://tripitaka.cbeta.org/T02n0100 truy cập ngày 01-8-2022. 34 Toàn văn Kỉnh Tăng nhất A-hàm theo ấn bản CBETA '. http://tripitaka.cbeta.org/T02n0125 truy cập ngày 01-8-2022. 35 Gồm 15 quyển, T49n2034, do Phí Trường Phòng soạn vào năm 597. Xem toàn văn ấn bản 36 Tắt-bà-đa Tỳ-ni Tỳ-bà-sa T.23. 1440. 0503c 18.
.Ịặ 37 Đoạn nguyên tác trong Tắt-bà-đa Tỳ-ni ;
„.; l l

.,'

Ixxii KINH TẠP A-HÀM

IL BỐ CỤC VÀ NÔI DUNG KINH TẠPA-HÀM 1. Bố cục của Kinh Tạp A-hàm Kỉnh Tạp A-hàm có nhiều nội dung tương đương với Kỉnh Tương ưng bộ Samyutta Nỉkãya.38 của Phật giáo Nam truyền, về cấu trúc, Kinh Tương ưng bô chia làm 5 thiên yagga,phẩm, thiên với 56 nhóm kinh samyutta,,tương ưng chủ đề như

sau: i Thiên có kệ Sagāthāvagga, ,Hữu kệ phẩm gồm 11 nhóm kinh có liên hệ ;ii Thiên nhân duyên Nidānavagga.,Nhân duyên phẩm có 10 nhóm kinh ; iii Thiên uẩn ỰChandhavagga,uẩn phẩm có 13 nhóm kinh iv Thiên sáu xứ SaỊãyatanavagga, Lục xứ phẩm có 10 nhóm kinh v Thiên đại Mahāvagga,Đại phẩm có 12 nhóm kinh . . Kỉnh Tạp A-hàm có các ấn bản khác nhau với cách bố cục và số thứ tự kinh khác nhau: i Ấn bản in trong Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh viết tắt là “Bại"5 ii Ấn bản Phật Quang tạng thường viết tắt là "Quang" ,iii Ấn bản của NXB. Giáo dục Nội quán viết tắt là "Nội eR. Trong bốn bộ kinh A-hàm S. Āgamā,hay kinh A-cấp-ma Kinh Tạp A-hàm được xem là kinh chứa đựng các lời dạy căn bản của đức Phật, bao gồm năm tổ hợp mười hai xứ ,mười tám giới duyên khởi ,chân lý ,bốn nền tảng chánh niệm ,các loại thức ăn V.V.. về cấu trúc hoàn chỉnh, Kỉnh Tạp A-hàm trong giai đoạn thứ nhất thuộc bản gốc gồm có 4 phần chính: 1 Phần các nhóm kinh về uẩn ,xứ :i Nhóm kinh về năm tổ hợp ,ii Nhóm kinh về sáu xứ /,iii Nhóm kinh về nhân duyên ,iv Nhóm kinh về thức ăn ,v Nhóm kinh về chân lý và vi Nhóm kinh về giới . 2 Phần các kinh do Thánh Tăng và đức Phật nói yii Nhóm kinh do các Thánh Tăng A-la-hán nói nổi bật gom Tôn giả Xá-lợi-phất ,Tôn giả Mục-kiền-liên và viii Nhóm kinh do đức Phật nói . 3 Phần đạo phẩm chứa ix Nhóm kinh an trú chánh niệm

38 Bản dịch tiếng Anh của c. A F. Rhys Davids & F. L. Woodward về Kinh Tương ưng là "Sách về những lời dạy co liên hệ mật thiếf, Jhe Book ofKindred Sayings hay "Các bài kinh phân theo ĩlhóm,, The Grouped Discourses hay The Grouped Suttas, do NXB. Hội Thánh điển Pali Pali Text Society in tại Bristol vào năm 1917-30. Bản dịch tiêng Anh của Ven. Bodhi có tựa đê là t4Cac bài kinh có liên hệ của đức Phát" The Connected Discourses of the Buddha do NXB. Wisdom Publications in tại Somerville, Massachusetts vào năm 2000. Ven. Sujāto dịch có tựa đề "Các kinh liên he" The Linked Discourses xuāt bản trên trang SuttaCentral vào năm 2018: https://suttacentral.net/sn?view=normal.

4 Phần kết tập chứa x Nhóm kinh về tám cộng đồng nổi bật nhất là Tỳ-kheo ,Ma ,Đế-thích ,vua chúa ,v.v... Theo Đại sư Ấn Thuận trong tác phẩm Tuyển tập Thánh điển Phật giáo Nguyên thủy xuất bản năm 1971, trong giai đoạn thứ hai, Kinh Tạp A-hàm được biên tập hoàn chỉnh, chia làm 7 phần như sau: 1 Nhóm kinh về năm tổ hợp . 2 Nhóm kinh về sáu xứ . 3 Nhóm kinh về nhân duyên ,chân lý ,giới và cảm giác . 4 Nhóm kinh về đạo phẩm gồm nền tảng chánh niệm , hơi thở ,học niềm tin thanh tịnh, không bị hủy hoại . 5 Nhóm kinh về tám cộng đồng gồm Tỳ-kheo ,Tỳ-kheo-ni ,Ma ,Đế-thích ,chư thiên ,vua chúa ,Bà-la- m6n ? dạ-xoa . 6 Nhóm kinh do Thánh Tăng

A-la-hán nói gồm Tôn giả Xá-lợi-phất ,Tôn giả Mục-kiền-liên . 7
Nhóm kinh do đức Phật nói . Kỉnh Tạp A-hàm trong Đại tạng kỉnh Tây Tạng chia làm 10 phần như sau: 1 Năm tổ hợp ;2 Sáu xứ 3 Nhân duyên ;4 Thức n ;5 Chân lý 6 Giới và cảm giác ; 7 Thánh Tăng A-la-hán giảng 8 Đức Phật giảng 9 Đạo phẩm ín gồm niệm trú hay bốn niệm xứ, chánh đoạn hay bốn chánh cần, thần túc hay bốn như ý túc, căn tức năm căn lành, lực tức năm lực, giác chi tức 7 yếu tố giác ngộ, yếu tố đạo tức Thánh đạo tám ngành, hơi thở ra vào ,học tức ba học, đạt niềm tin thanh tịnh 10 Tám cộng đồng .
Vê thê tài văn học, Kinh Tạp A-hàm với 50 quyên và l.362 bài kinh, được chia thành 3 phần chính: i Phần Kinh văn xuôi S. Sutra,giải thích về năm tổ hợp ,sáu xứ ? duyên khởi ,thức n ,chân lý ,giới ,an trú chánh niệm ,v.v...
ii Phần Kệ tụng S. Geya, Geyya. p. Gāthā,eBn được phiên âm là Kỳ-dạ 0,chứa đựng các thi kệ dưới dạng vấn đáp. iii Phần Ký thuyết S. Vyākarana. p. Veyyākarana.hay Ký biệt ,Phân biệt chứa đựng các bài kinh do các Thánh Tăng A-la-hán hoặc đức Phật thuyết giảng.

Ixxiv KINH TẠPA-HÀM

Dưới đây là cấu trúc của Kinh Tạp A-hàm căn cứ theo Đại sư Ấn Thuận trong quyển Tạp A-hàm kinh luận hội biên gồm 7 chương tụng, 51 nhóm kinh tương ưng, 13.412 kinh như sau: Chương 1: Nhóm kỉnh về năm tổ họp ,Ngũ ấm tụng đệ nhất. 1 Nhóm kinh về năm tổ hợp Ấm tương ưng: 178 kinh. Chương 2: Nhóm kinh về sáu xứ ,Lịic nhập xứ tụng đệ nhị. 2 Nhóm kinh về sáu giác quan: 285 kinh. Chương 3: Nhóm kinh về nhân duyên Tạp nhân tụng đệ tam. 3 Nhóm kinh về nhân duyên ,Nhân duyên tương ưng: 78 kinh. 4 Nhóm kinh về chân lý Đe tương ưng: 150 kinh. 5 Nhóm kinh về giới Giới tương ưng: 37 kinh. 6 Nhóm kinh về cảm giác Thọ tương ưng: 31 kinh. Chương 4: Nhóm kỉnh về con đường ,Đạo phẩm tụng đệ tứ. 7 Nhóm kinh về [bốn] nền tảng chánh niệm ,Niệm xứ tương ưng: 54 kinh. 8 Nhóm kinh về [bốn] chánh tinh tấn ,Chánh đoạn tương ưng: Bị thất lạc ? dật. 9 Nhóm kinh về [bốn] như ý túc Như ý túc tương ưng: Bị thất lạc ,dật. 10 Nhóm kinh về [năm] căn lành Căn tương img: 27 kinh. 11 Nhóm kinh về [năm] sức mạnh ,Lực tương ưng: 60 kinh. 12 Nhóm kinh về [bảy] yếu tố giác ngộ ,Giác chi tương ưng: 67 kinh. 13 Nhóm kinh về [tám] Thánh đạo ,Thánh đạo phần tương ưng: 114 kinh. 14 Nhóm kinh về hơi thở chánh niệm An-na-bát-na niệm tương ưng: 22 kinh. 15 Nhóm kinh về [tam] học Học tương ưng: 32 kinh. 16 Nhóm kinh về niềm tin trong sạch không thể hủy hoại , Bất hoại tịnh tương ưng: 29 kinh. Chương 5: Nhóm kinh về tám hội chúng 7Bát chúng tụng đệ ngũ. 17 Nhóm kinh về Tỳ-kheo Tỳ-kheo tương ưng: 22 kinh.

ĐẪN LUẬN Ixxv

18 Nhóm kinh về ma Ma tương ưng: 20 kinh. 19 Nhóm kinh về Trời Đế-thích ,Đế-thích tương ưng: 22 kinh. 20 Nhóm kinh về vua chiia Sát-lợi tương ưng: 21 kinh. 21 Nhóm kinh về Bà-la-môn ,Bà-la-môn tương ưng: 38 kinh. 22 Nhóm kinh về Phạm thiên ,Phạm thiên tương ưng: l o kinh. 23 Nhóm kinh về Tỳ-kheo-ni ,Tỳ-kheo-ni tương img: l o kinh. 24 Nhóm kinh về Bà-kỳ-xá ,Bà-kỳ-xá tương ưng: 16 kinh. 25 Nhóm kinh về các trời Chư thiên tương ưng: 108 kinh. 26 Nhóm kinh về dạ-xoa Dạ-xoa tương ưng: 12 kinh. 27 Nhóm kinh về rừng L2m tương ưng: 32 kinh. Chương 6: Nhóm kỉnh về lời dạy của các bậc Thánh Tăng ? Đệ tử sở thuyết tụng đệ lục. 28 Nhóm kinh về Xá-lợi-phất ,Xá-lợi-phất tương ưng: 81 kinh. 29 Nhóm kinh về Mục-kiền-liên Mục-kiền-liên tương ưng: 53 kinh. 30 Nhóm kinh về A-na-luật ,A-na-luật tương ưng: 11 kinh. 31 Nhóm kinh về Đại Ca-chiên-diên Đại Ca-chiên-diên tương ưng: 10 kinh. 32 Nhóm kinh về A-nan A-nan tương ưng: 11 kinh. 33 Nhóm kinh về Chất-đa-la ,chất-đa-la tương ưng: l o kinh. Chương 7: Nhóm kinh về lời dạy của đức Phật ,Như Lai sở thuyết tụng đệ thất. 34 Nhóm kinh về La-đà La-dà tương ưng: 133 kinh. 35 Nhóm kinh về cái thấy ,Kiến tương ưng: 93 kinh. 36 Nhóm kinh về đoạn tri ,Đoạn tri tương ưng: 10.996 kinh.39 37 Nhóm kinh về trời ,Thiên tương ưng: 48 kinh. 38 Nhóm kinh về tu chứng ,Tu chứng tương ưng: 70 kinh. 39 Nhóm kinh về nhập, giới, ấm ,Nhập giới ấm tương img: 182 kinh. 40 Nhóm kinh về niềm tin thanh tịnh không bị hủy hoại ,Bất hoại tinh tương ưng: 62 kinh.

39 Sở dĩ bản "Hội bierf" có con số như vậy, vì nhóm "Đoạn tri tương ưng"này, ngài Ấn Thuận cắt nhỏ các kinh ra, vài chữ một kinh, một đoạn một kinh, nên sô lượng mới tăng lên con sô như trên.

Ixxvi KINH TẠPA-HÀM _____

41 Nhóm kinh về Đại Ca-diếp ,Đại Ca-diếp tương ưng: 11 kinh. 42 Nhóm kinh về trưởng làng ,Tq lạc chủ tương ưng: l o kinh. 43 Nhóm kinh về ngựa ,Mã tương ưng: 10 kinh. 44 Nhóm kinh về Ma-ha-nam Ma-ha-nam tương ưng: 10 kinh. 45 Nhóm kinh về không có bắt đầu ,V6 thủy tương img: 20 kinh. 46 Nhóm kinh Bà-sa di tu 9 Bà-sa xuất gia tương ưng: 9 kinh. 47 Nhóm kinh người khác đạo xuất gia theo Phật ,Ngoại đạo xuất gia tương ưng: 15 kinh. 48 Nhóm kinh về nhiều chủ đề Tạp tương ưng: 18 kinh. 49 Nhóm kinh về thí dụ Thí dụ tương ưng: 19 kinh. 50 Nhóm kinh về bệnh Bệnh tương ưng: 20 kinh. 51 Nhóm kinh về nghiệp báo ,Nghiệp báo tương ưng: 35 kinh. 2. Khái quát nội dung của Kinh Tạp A-hàm Trong Kinh A-hàm nói chung, cuối từng nhóm kinh có một bài kệ tóm tắt viết tên các bài kinh trong nhóm, tiếng Hán là Nhiếp tụng .Kỉnh Tạp A hàm cũng tuân theo cấu trúc này nhưng hâu hét Nhiếp tụng bị thát lạc trong quá trình truyền thụ5 giữ gìn nên chỉ còn 15 bài Nhiếp tụng, với khoảng 150 tựa đề kinh. Căn cứ vào nội dung kinh, trong bản dịch Việt của Trung tâm dịch thuật Trí Tịnh, nhóm dịch giả đã đặt tựa đề kinh nhằm thuận tiện hơn

cho việc đọc tụng, nghiên cứu. Đe hiểu rõ những điểm tương đồng và di biệt về các bản văn của Kỉnh Tạp A-hàm, quý độc giả tham khảo Phụ lục 2 ở cuối tập này "So sánh tựa đề Kỉnh Tạp A-hàm với các ấn bản tương đương.,, Bên cạnh việc so sánh sự tương ứng của 2 bản dịch tiếng Việt về Kỉnh Tạp A-hàm nêu trên với bản Kinh Tạp A-hàm bằng Hán ngữ với mã số T02n0099 trong CBETA. bảng đối chiếu này còn so sánh 3 an bản Kinh Tương ưng bang Pali, Anh ngữ và Việt ngữ. Căn cứ vào nội dung kinh, dựa theo cấu trúc của tạng Đại Chánh, đồng thời có sự tham khảo từ Kỉnh Tương ưng bô Samyutta Nỉkãyd và "Hội biên'\ bản dịch tiếng Việt Kỉnh Tạp A-hàm trong bản in lan này gom có 1.362 kinh, được chia thành 8 chương, với 51 nhóm chủ đề: Chương 1: Năm tổ hợp ,Ngũ ấm tụng 1 Nhóm kinh về năm tổ hợp Ấm tương ưng40 gồm các kinh 1-87, 103-110, 130-132, 256-272.41 Đức Phật định nghĩa về uẩn, thủ uẩn, đồng

40 Quyển ^Hội bS"do Đại sư Ấn Thuận biên soạn, đặt nhóm kinh về năm tổ hợp vào chương l và nhóm kinh 1. 41 Các kinh 88-102 thuộc nhóm kinh về Bà-la-môn.

thời dạy cách thức nhận diện bản chất con người gồm thân thể, cảm giác, tri giác, tâm tư, nhận thức và thế giới là vô thường .Không nhận ra quy luật này sẽ chấp ngã dẫn đến khổ đau . Người tu học nên quán phi ngã99 và tánh không thực thể do mọi sự vật đều được hình thành bởi nhân duyên để thấy rõ tiến trình hình thành, tồn tại, chấm dứt của mọi sự vật về phương diện vật lý và nhận diện ngọt, sự tai hại và xuất ly" về phương diện tâm lý nhận thức để chẩm dưt khố đau. 2 Nhóm kỉnh về La-đà La-đà tương ưng42 gồm các kinh 111-129 với hai nội dung chính: i Đức Phật dạy cho thị giả của Ngài là Tỳ-kheo La-đà về cách chấm dứt khổ đau vơi năm mắc xích bắt đầu từ tham ái trên nền tảng không chấp dính vào năm tổ hợp con người, nhờ đó vượt ra khỏi sầu, bi, khổ, ưu, não5 đi đến giải thoát sanh tử; ii Đức Phật xác chứng và dạy thêm vê những điêu La-đà đôi thoại triêt học với những người khác tôn giáo. 3 Nhóm kỉnh về kiến chấp Kiến tương ưng43 gồm các kinh Đức Phật dạy về sự chấp ngã nơi sắc, thọ, tưởng, hành, thức, khiến 133-171.4445 chúng sanh bị vô minh che lấp, bị ái trói buộc, phải rong ruổi đường dài, mãi lưu chuyển trong luân hồi. Người tu tập cần có chánh tuệ đối với những gì thuộc về năm uẩn, hoặc quá khứ, tương lai, hiện tại; hoặc trong hoặc ngoài; hoặc thô hoặc tế; hoặc đẹp hoặc xấu; hoặc xa hoặc gần; tất cả chúng chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng tồn tại trong nhau; nhờ có chánh tuệ như vậy sẽ chấm dứt hoài nghi với bốn dế, chấm dứt vòng tái sanh. 4 Nhóm kinh về đoạn tri Đoạn tri tương ưng,45 còn gọi là Liễu tri tương ưng, gồm các kinh 172-187. Đức Phật dạy cách dứt trừ hoài nghi tăng cường niềm tin vững chãi với Phật, Pháp, Tăng, đạo đức, tu chánh niệm, thiền chi, thiền quán với thái độ như cứu lửa đang cháy trên đầu để chấm dứt khổ đau. Chương 2: Sáu giác quan Lục nhập xứ tụng 5 Nhóm kinh về sáu giác quan Nhập xứ tương ưng46 gồm các kinh 188-255, 273-282, 304-342, 1164-1177.47 Đúc Phật dạy cách không châp thủ khi sáu giác quan gôm măt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý tiêp xúc với sáu đối tượng gồm ảnh tượng, âm thanh, các mùi, các vị5 xúc

chạm và pháp, làm

42 Quyển ^Hội bn"đặt nhóm kinh La-đà vào chương 7, nhóm kinh 34 thuộc nhóm kinh "Nhu Lai sơ thuyếí." 43 Quyển ^Hội biM đặt nhóm kinh về kiến chấp vào chương 7, nhóm kinh 35 thuộc nhóm kinh "Như Lai sở thuyết." 44 Các kinh 130-132 thuộc nhóm kinh về năm tổ hợp. 45 Quyển "Hội b'đặt nhóm kinh về đoạn tri vào chương 7, nhóm kinh 36 thuộc nhóm kiĩứi “Nhu Lai sở thuyet.,; • J 46 Quyển "H biên"đặt nhóm kinh về sáu giác quan vào chương 2, nhóm kinh 2. 47 Các kinh 256-272 thuộc nhóm kinh về năm tổ hợp.

Ixxviii KINH TẠPA-HÀM _____

phát sanh sáu loại nhận thức giác quan gồm thị giác tức nhãn thức ,thính giác tức nhĩ thức khứu giác tức tỷ thức ,vị giác tức thiệt thức ,xúc giác tức thân thức và ý thức .Cần thấy rõ vị ngọt, sự tai hại và sự xuất ly đối với năm giác quan và nhận thức giác quan để đạt được cái thấy như thật ,biết như thật , xa lìa mọi chấp thủ, không còn dục lậu, tâm được giải thoát, chứng đạt Niết-bàn. Chương 3: Các loại nhân duyên Tạp nhân tụng 6 Nhóm kỉnh về nhân duyên ,Nhân duyên tương ưng48 gồm các kinh 283-303, 343-378. Đức Phật dạy năm pháp quán chiếu, đó là quán vô r r thường, quán tiên trình sanh diệt, quán vô dục, quán Niêt-bàn, quán buông xả để không sanh luyến tiếc, dính mắc, chấm dứt tham ái. Đối với con người, đức Phật dạy nhận thức về 12 mắc xích hình thành sự sống trong 3 chiều thời gian, dù Phật có ra đời hay không, con người sanh ra từ vô thủy và khi chết lại tiếp tục tái sanh. Làm chủ 4 loại thức ăn gồm: i Thức ăn thô hoặc tế kabaḶĩkãro, thô đoàn thực; ii Thức ăn nhờ cảm giác phassāhāro.xúc thực; iii Thức ăn nhờ ý muốn manosañcetanāhāro,ý tư thực; iv Thức ăn nhờ thức viññānāhāro,thức thực. Con người không tham, không vui mừng sẽ không có sầu5 bi, khổ, ưu, não, chấm dứt tái sanh. 7 Nhóm kinh về chân lý ,Đe tương ưng49 gồm các kinh 379-443. Đức Phật dạy phương pháp vượt qua khổ đau, chấm dứt sanh tử băng 4 bước: i Nhận diện khô đau; ii Truy tìm nguyên nhân; iii Trải nghiệm Niết-bàn; iv Thực tập chánh đạo. Chân lý này thiết thực hiện tại, có khả năng xua tan bóng toi vô minh, giúp con người đạt được Thánh trí, trải nghiệm an vui. 8 Nhóm kinh về cảnh giới Giới tương ưng50 gồm các kinh 444-465. Đức Phật dạy về: i Sáu yếu tố dhātu tức đất, nước, lửa, gió, hư không và thức tạo nên sự song của con người và vạn vật; ii Ba cõi gồm cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc; iii Bảy cảnh giới gồm cảnh giới ánh sáng, cảnh giới thanh tinh, cảnh giới Không vô biên, cảnh giới Thức vô biên, cảnh giới Vô sở hữu, cảnh giới Phi tưởng phi phi tưởng, cảnh giới Diệt thọ tưởng định. 9 Nhóm kinh về cảm giác Thọ tương ưng51 gồm các kinh 466-489. Đức Phật phân tích ba loại cảm giác gom cảm giác hạnh phúc, cảm giác đau khổ, cảm giác trung tính đối với thân và tâm đều sanh ra và bi biến đoi. Các cảm xúc tiêu cực dẫn đến tà kiến và khổ đau. Làm chủ cảm xúc,

48 Quyển ^Hội biên"đặt nhóm kinh về nhân duyên vào chương 2, nhóm kinh 3. 49 Quyển ^Hội biên"đặt nhóm kinh về chân lý vào chương 3, nhóm kinh 4. 50 Quyển

^Hội bỉêri^ đặt nhóm kinh về cảnh giới vào chương 3, nhóm kinh 5. 51 Quyển ^Hội biên"đặt nhóm kinh về cảm giác vào chương 3, nhóm kinh 6.

không vướng kẹt vào tham ái và sân hận, giữ tâm xả ly, đạt được chánh trí và Niết-bàn an vui. Chương 4: Lời dạy của các bậc Thánh Tăng Đệ tử sở thuyết tụng 10 Nhóm kinh về Diêm-phù-xa ,Diêm-phù-xa tương ưng5253 có một kinh sô 490, do Tôn giả Xá-lợi-phất dạy cho tu sĩ ngoại đạo Diêm-phù- xa Jambukhādaka vôn là bạn cũ. Tôn giả tuân tự giải nghi nhiều vấn đê mà Diêm-phù-xa còn vướng mắc. Tôn giả nhấn mạnh rằng Thánh đạo tám chi là con đường tối thượng làm cho thiện phá^ tăng trưởng, điều phục được tham sân si, thoát ra ngoài mọi ràng buộc của phiên não, chứng đắc Niết-bàn tịch tịnh. 11 Nhóm kỉnh về ngài Xá-lợi-phất Xá-lợi-phất tương ưng53 gồm các kinh 491-500, do Tôn giả Xá-lọd-phất giảng: i Giảng cho các vị đồng tu về cách đạt được tâm tịch tĩnh giải thoát, cách đi ngược dòng tham ái giữa đời thường, vượt qua chấp thân, không vướng các ách nạn và thác ghềnh vô minh, đạt được giải thoát; ii Đối thoại và giảng cho người khác tôn giáo về con đường giác ngộ và cách vượt qua khó khăn khi thực tập con đường giác ngộ. 12 Nhóm kinh về ngài Mục-kiền-liên Mục-kiền-liên tương ưng5455gồm các kinh 501-534, do Tôn gi Mục-kiền-liên giảng: i Chia sẻ với các bạn đồng tu như Tôn giả Xá-lợi-phất? Tôn giả A-nan về các loại quả báo mà mắt thường không nhận biết hết được; ii Giảng cho các trời và Đế- thích về sự phức tạp của nhân quả và cách chuyển nghiệp để sống an vui. 13 Nhóm kỉnh về ngài A-na-luật ,A-na-luật tương ưng55 gồm các kinh 535545, do Tôn giả A-na-luật đàm đạo với bạn đồng tu gôm Tôn giả Mục-kiền-liên, Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả A-nan về bốn nền tảng chánh niệm, làm chủ thân thể, cảm giác, tâm và các pháp, cũng như những kinh nghiệm tu tập và chứng đắc đạo quả. 14 Nhóm kinh về ngài Đại Ca-chiên-diên Đại Ca- chiên-diên tương ưng56 gồm các kinh 546-555, do Tôn giả Đại Ca-chiên-diên giảng về: i Chủ trương bình đẳng xã hội, bình đẳng giới, giá trị và nhân phẩm của con người là do đời sống đạo đức, các nguyên nhân mâu thuẫn, xung đột

52 ở "Hội biên", kinh này thuộc nhóm kinh về ngài Xá-lợi-phất, tuy nhiên, ở Kinh Tương ưng bộ thuộc về tương ưng38 của Thiện sáu xứ. Khảo sát nội dung cho thấy, tuy bản Hán đánh số là một kinh, nhưng thực tể bao gồm nhiều tiết, đoạn. Theo nội dung được ghi nhận trong kinh văn: Cwwg như kỉnh trên, với những câu hỏi ở phần đầu của Diêm-phù-xa, cỏ thêm 40 kinh ín .Với những cơ sở như thế nên chúng tôi tách ra thành một nhóm riềng. Đặc biệt, ở dòng đau tiên của bản kinh này, tức là đầu quyển 18, có thêm^một dòng chữ Hán,Alà dâu vết của sự phân chia chuơĩ^ mục thời Kiracon sót lại, mang nôi dung: Phẩm thứ tư, chương về lời dạy của các bậc Thánh Tăng H Đệ tử sở5thuyết tụng đệ tứ phẩm. Từ cơ sơ đó, nên chúng tôi đưa bài kinh này vào mục đầu tiên của chương về lời dạy của các bậc Thánh Tăng. 53 Quyển ^Hội brĩ"đặt nhóm kinh về ngài Xá-lợi-phất vào chương 6, nhóm kinh 28. 54 Quyển ^Hội biên"đặt nhóm kinh về ngài Mục-kiền-liên vào chương 6, nhóm kinh 29. 55 Quyển 6íHội biên"đặt nhóm kinh về ngài A-na-luật trong

chương 6, nhóm kinh 30. 56 Quyển ^Hội biên"đặt nhóm kinh về ngài Đại Ca-chiên-diên trong chương 6, nhóm kinh 31.

trong xã hội và cách vượt qua; (ii) Phương pháp niệm Phật, niệm Chánh pháp, niệm Tăng đoàn, niệm đạo dức, niệm bố thí và niệm về thiên giới, cũng như cách thiết lập niềm tin vững chãi đối với Phật, Pháp, Tăng và đạo đức; (iii) Cách tu giải thoát do kết thúc toàn bộ ái dục. (15) Nhóm kỉnh về ngài A-nan (‚A-nan tương ưng)5758 gồm các 59 kinh 556-565, do Tôn giả A-nan giảng cho các Tăng, Ni đồng tu và các thành phần xã hội về: (i) Bốn thanh tịnh gồm giới thanh tịnh, tâm thanh tịnh, cái thấy thanh tịnh và giải thoát thanh tịnh; (ii) Cách tu tập thiền chỉ để được định và thiền quán để đạt trí tuệ; (iii) Bốn cảnh giới thiền và tu định Vô tướng để vượt qua ham muốn và ái dục; (iv) Trau dồi giới hạnh, làm chủ việc tiêu thụ thức ăn, chấm dứt ngã mạn và ái dục để sống thong dong và hạnh phúc giữa đời thường. (16) Nhóm kỉnh về trưởng giả Chất-đa-la (Chất-đa-la tương ưng)58 gồm các kinh 566-575,59 do cư sĩ Chất-đa-la đàm đạo với các thầy Tỳ-kheo về tâm từ, tâm bi, tâm hỷ5 tâm xả, không chấp sở hữu, nương ba loại tam-muội để an tịnh tâm, thực tập thiền để trải nghiệm tỉnh thức, trải qua các cảnh giới thiên, đặc biệt là cảnh giới không còn cảm giác và tri giác đê vượt qua mọi sầu khổ trong đời. Chương 5: Vua A-dục (‚A-dục vương tụng) (17) Nhóm kỉnh về Vua A-dục (A-dục vương tương ưng) gôm 3 kinh 604, 640, 641? đê cập đên cuộc đời và sự nghiệp của Vua A-dục trong kiếp trước cũng như trong hiện đời; những phương cách cai trị đất nước đúng pháp; những thử thách, trở ngại trong cuộc đời và tâm the vững chãi của nhà vua. Chương 6: Con đường tỉnh thức (‚Đạo phẩm tụng) (18) Nhóm kinh về nền tảng chánh niệm (. Niệm xứ tương ưng)60 gồm các kinh 605-639, do đức Phật giảng dạy về bốn nền tảng chánh niệm gồm quán thân để làm chủ thân, quán cảm giác để làm chủ cảm giác, quán tâm để làm chủ tâm và quán pháp thế gian để không vướng chấp, quán pháp xuất thế gian để giác ngộ, giải thoát. (19) Nhóm kinh về các căn lành (Căn tương ưng)61 gồm các kinh 642-660, do đức Phật dạy về ba loại căn gồm căn chưa biết nên biết, đã biết căn và biết căn đầy đủ, đồng thời phát triển năm căn gồm niềm tin, nỗ lực, chánh niệm, thiền định và trí tuệ.

57 Quyển ^Hội biên"()đặt nhóm kinh về ngài A-nan trong chương 6, nhóm kinh 32. 58 Quyển ^Hội bỉêrC'()đặt nhóm kinh về trưởng giả Chất-đa-la trong chương 6, nhóm kinh 33. 59 Các kinh 576-603 thuộc nhóm kinh về thiên tử và thiên nữ. 60 Quyển ^Hội biên"()đặt nhóm kinh về nền tảng chánh niệm trong chương 4, nhóm kinh 7. 61 Quyển "'Hội bi@n''()đặt nhóm kinh về các căn lành trong chương 4, nhóm kinh 10.

(20) Nhóm kinh về các sức mạnh (Lực tương ưng)6263 64 gồm các kinh 661-703, do đức Phật dạy về: (i) Ba sức mạnh gồm niềm tin, nỗ lực, trí tuệ; (ii) Bốn sức mạnh gồm niềm tin, nỗ lực, chánh niệm, trí tuệ; (iii) Năm sức mạnh gồm niềm tin, nỗ lực, chánh niệm, thiền định, trí tuệ; (iv) Bảy sức mạnh gôm niêm tin, nô lực, xâu hô cá nhân, xâu hô xã hội, chánh niệm, thiên định, trí tuệ; (v) Chín sức mạnh gồm niềm tin,

nỗ lực, xấu hổ cá nhân, xấu hổ xã hội, chánh niệm, thiền định, tư trạch, trí tuệ, tu tập. (21) Nhóm kỉnh về các yếu tố giác ngQ (,Giác chi tương ưng),63 gồm các kinh 704-747, đức Phật dạy về cách tu và giá trị của chánh niệm, trạch pháp, nỗ lực, khinh an, hoan hỷ, định tĩnh, buông xả để vượt qua năm trói buộc tâm gồm ái dục, sân hận, hôn trầm thụy miên, dao động và hoài nghi. về phong cách thực tập các yếu tố giác ngộ này, đức Phật khuyên không giải đãi nhưng không quá gắng sức, tu đều đặn để đạt được giác ngộ, giải thoát. (22) Nhóm kinh về tám chi Thánh đạo (Thánh đạo phần tương ưng),64 gồm các kinh 748-800, đức Phật dạy về con đường giải thoát với tám yêu tô chân chánh gôm tâm nhìn chân chánh, tư duy chân chánh, lời nói chân chánh, hành động chân chánh, nghề nghiệp chân chánh, nỗ lực chân chánh, chánh niệm hiện tiền và đại định nhất tâm để đạt được giải thoát và trí tuệ về sự giải thoát của bản thân. (23) Nhóm kinh về quán niệm hơi thở (,An-na-bát-na niệm tương ưng)6566 gồm các kinh 801-815, dạy về: (i) Kỹ năng thở thiền với hơi thở vào, thở ra {ānapānd) để làm chủ cảm xúc, giải phóng căng thẳng, tăng cường sức khỏe thể chất và tinh thần; (ii) Lối sống tỉnh thức với năm bước gôm sông giới hạnh, ít ham câu và bận rộn, tiêt độ trong ăn uông và tiêu thụ, nỗ lực tu tập ngày đêm và xa lánh nơi ồn náo để vượt qua sự vướng chấp thế tục; (iii) Phối hợp với bốn nền tảng chánh niệm để thở thiền có kết quả thiết thực, đồng thời phối hợp tu tập hơi thở thiền với bảy yếu tố giác ngộ để giải phóng kho đau. (24) Nhóm kỉnh về các học pháp (,Học tương ưng)66 gồm các kinh 816-832, dạy về cách thực tập và đề cao giá trị của ba học cao quý: (i) Học đạo đức thanh cao qua làm chủ giác quan và các oai nghi; (ii) Học thiên đinh đê lân lượt đạt được bốn cấp thiền gồm hỷ lạc do lìa tham ái, hỷ lạc do đinh lực, diệu lạc do không chấp vào hỷ lạc và xả niệm thanh tịnh; (iii) Học trí tuệ siêu việt qua bốn chân lý Thánh nhằm khép lại các nỗi khổ và niềm đau.

62 Quyển "H0i bn"()đặt nhóm kinh về các sức mạnh trong chương 4, nhóm kinh 11. 63 Quyển bn"()đặt nhóm kinh về các yếu tố giác ngộ trong chương 4, nhóm kinh 12, 64 Quyển ^Hội biên"()đặt nhóm kinh về tám chi Thánh đạo trong chương 4, nhóm kinh 13. 65 Quyển ''Hội biên"()đặt nhóm kinh về quán niệm hơi thở trong chương 4, nhóm kinh 14. 66 Quyển "Hội biên"()đặt nhóm kinh về các học pháp trong chương 4, nhóm kinh 15.

Ixxxii KINH TẠP A-HÀM

(25) Nhóm kỉnh về niềm tin vững chãi (,Bất hoại tịnh tương ưng)67 gồm các kinh 833-860, 902-904, 1121-1135, dạy về bốn niềm tin trong sạch, không thể hủy hoại (tứ bất hoại tín), tức niềm tin không dao động, niềm tin chắc chắn: (i) Niềm tin chắc chắn đối với vai trò Đạo sư của đức Phật (,Phật bất hoại tín); (ii) Niềm tin chắc chắn đối với chân lý Phật (,Pháp bất hoại tín) trị liệu khổ đau; (iii) Niềm tin chắc chắn đối với Tăng đoàn (,Tăng bất hoại tín); (iv) Niềm tin chắc chắn đối với giá trị của việc thành tựu Thánh giới (). (26) Nhóm kinh về các cõi trời (Thiên tương img)68 gồm các kinh 861-872, giới thiệu về: (i) Các cuộc đối thoại giữa các cư dân trời gồm trời Đâu-suất? Hóa Lạc, Tha Hóa Tự Tại và Tịnh Cư về cuộc sống an lành, siêu việt hơn sự sống trên quả địa cầu này; (ii) Các hiện tượng thiên nhiên, các giới hạn của

cõi trời, cách đạt được bôn cáp độ thiên định gôm hỷ lạc do lìa tham ái, hỷ lạc do định lực5 diệu lạc do không chấp vào hỷ lạc và xả niệm thanh tịnh. (27) Nhóm kỉnh về tu chứng (,Tu chứng tương ưng)69 gồm các kinh 873-891, do đức Phật dạy về: (i) Cách tu tập và giá trị khác biệt của cộng đồng người xuất gia và người tại gia; (ii) Nhận diện ba cấp độ của con thành công so với cha mẹ gom con kém cha mẹ, con bằng cha mẹ và con hơn cha mẹ; (iii) Phát triển niềm tin làm động lực tu tập và phát triển các giá trị; (iv) Người chứng đắc lần lượt đạt được ba tuệ giác gồm tuệ giác về các kiếp quá khứ, tuệ giác về tái sanh trong tương lai và tuệ giác không còn khổ đau ở hiện tại. (28) Nhóm kỉnh về uẩn, xứ, giới (,Xứ giới uẩn tương ưng)70 gồm các kinh 892-901,71 dạy về bốn nỗ lực chân chánh, dứt trừ ba độc hại, tinh tấn không buông lung, tu tập bốn thiền để đạt được thiền chứng, chứng đắc Tam minh, đạt giác ngộ, giải thoát. (29) Nhóm kinh về ngài Đại Ca-diếp (Đại Ca-diếp tương ưng)72 gồm các kinh 905-906,1136-1144, ban về: (i) Cuộc đàm đạo của Tôn giả Ma-ha Ca-diếp và Tôn giả Xá-lợi-phất về sắc là nhân duyên để Như Lai có sanh tử ở đời sau, không có sanh tử ở đời sau, vừa có vừa không có sanh tử ở đời sau hay chẳng phải có cũng chẳng phải không có sanh tử ở đời sau; (ii) Đức Phật chế định giới luật song hàng đệ tử thọ trì không giống nhau vì căn tánh khác nhau; năm nhân duyên khiến Chánh pháp chìm mất; năm nhân duyên khiến

67 Quyển ^Hội biên"()đặt nhóm kinh về niềm tin vững chãi trong chương 4, nhóm kinh 16. 68 Quyển "Hội biên"()đặt nhóm kinh về các cõi trời frong chương 7, nhóm kinh 37. 69 Quyển biên"()đặt nhóm kinh về tu chứng trong chương 7, nhóm kinh 38. 70 Quyển ^Hội biên"()đặt nhóm kinh về uẩn, xứ, giới trong chương 7, nhóm kinh 39. 71 Các kinh 902-904 thuộc nhóm kinh về niềm tin vững chãi. Các kinh 905-906 thuộc nhóm kinh về ngài Đại Ca-diếp. 72 Quyển "H0i biê)'()đặt nhóm kinh về ngài Đại Ca-diếp trong chương 7, nhóm kinh 41.

Chánh pháp tồn tại lâu dài; iii Đức Phật tán thán Tôn giả Ca-diếp và khuyến r 9

khích các Tỳ-kheo phải nhiệp tâm, kiêm thúc thân, chánh niệm khi nhận vật thực, biết ho thẹn, khiêm hạ. Chương 7: Lời dạy của đức Phật ,Như Lai sở thuyết tụng 30 Nhóm kinh về trưởng làng m lạc chủ tương ưng73 gồm các kinh 907-916. Đức Phật dạy cho các thôn trưởng Giá-la-châu-la-na-la, Ác Tính, Ma-ni-châu-kế, Vương Đảnh, Kiệt-đàm về pháp tu tập để được sanh thiên, đó là không sát sanh, không tranh đau, có tâm hiền thiện, thường hành bố thí, có niềm tin Tam bảo kiên cố. Hơn thế nữa, đức Phật chỉ rõ tài sản thuộc chín nhà để không còn tham chấp, tránh xa hai cực đoan, nhận thức và tu tập theo bốn chân lý Thánh, hướng đến cuộc sống an lạc trong hiện tại và tương lai. 31 Nhóm kinh về loài ngựa Mã tương ưng74 gồm các kinh 917-926. Đức Phật dạy vê ba loại ngựa được điêu phục, ba loại ngựa tự điêu phục, ba loại ngựa tốt, ba loại ngựa hay, ba loại ngựa quý, loại ngựa hội đủ bôn phàm chát tót lành, đông thời ngài dạy nhiêu cách luyện ngựa dâu là loại ngựa chứng, khó thuần phục. Nói về các phẩm tính và cách dạy cho các loại ngựa chính là ẩn dụ chỉ cho việc tu tập, các hành giả dù với nhiều căn tánh trí phàm, nhanh chậm, đều

có thể tu tập sửa đổi để tâm tánh trở nên hiền thiện, thành tựu giới thân Vô học, định thân Vô học, tuệ thân Vô học và giải thoát thân Vô học. 32 Nhóm kỉnh về Ma-ha-nam Ma-ha-nam tương ưng75 gồm các kinh 927-936. Đức Phật định nghĩa về một ưu-bà-tắc đúng nghĩa cần phải đây đủ tín, giới, văn, thí, xả, tuệ. Ngài dạy 6 niệm, 11 pháp, 16 pháp đê một vị ưu-bà-tắc thực hành giáo pháp không bị lui sụt, có tri kiến, có khả năng quyết định, an trụ cửa giải thoát, tiếp cận hương vị giải thoát, lần lượt đoạn trừ năm kiết sử thân kiến, giới cấm thủ, nghi, tham, sân, thành tựu được quả vị Tu-dà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, sớm chứng đắc giải thoát Niết-bàn. 33 Nhóm kỉnh về không có khỏi đầu ,Vô thủy tương ưng76 gồm các kinh 937-956. Đức Phật dạy về sự lang thang đau khổ triền miên của chúng sinh trong đêm dài sanh tử từ vô thỉ đến nay; máu, nước mắt đã chảy, sữa mẹ đã uống, nỗi sợ hãi, núi xương khô không tính ke trong dòng chảy luân hồi; có vô lượng mẹ cha, có niềm vui nhưng tất cả đều vô thường, mong manh tạm bợ như bong bóng nước, như gặp trận mưa lớn ngậm tràn khiến chúng sanh mãi chìm trong đau khổ không biết đâu nguồn cội, lối thoát. Đức Phật khuyến khích: "Các thầy hãy đoạn trừ các hữu lậu, không cho tăng trưởng.55

73 Quyển ^Hội biên"đặt nhóm kinh về trưởng làng trong chương 7, nhóm kinh 42. 74 Quyển "Hội bin"đặt nhóm kinh về loài ngựa trong chương 7, nhóm kinh 43. 75 Quyển ^Hội bi@n"đặt nhóm kinh về Ma-ha-nam trong chương 7, nhóm kinh 44. 76 Quyển i6Hội biên"đặt nhóm kinh về không có khởi đầu trong chương 7, nhóm kinh 45.

(34) Nhóm kinh về tu sĩ ngoại đạo Bà-sa (Bà-sa xuất gia tương ưng)77 gồm các kinh 957-964, nói về tu sĩ ngoại đạo dòng Bà-sa từ lúc còn nhiều hoài nghi về sự hiện hữu của thân và mạng, vê sự tôn tại và không tôn tại sau khi chết, thường kiến hay đoạn kiến, thế gian thường hay vô thường,... cho đến lúc ông đặt trọn niềm tin vào ngôi Tam bảo và phát tâm xuất gia. Đức Phật đã giúp ông nhận thức rõ vi ngọt, sự nguy hiểm, sự xuất ly của năm tổ hợp, an tru ông vào bốn chân lý Thánh và thọ ký cho ông trở thành bậc A-la-hán. (35) Nhóm kỉnh về tu sĩ ngoại đạo xuất gia (,Ngoại đạo xuất gia tương ưng)7879 gồm các kinh 965-979, dạy về: (i) Tấm gương của các Tôn giả xuất thân từ tôn giáo khác, tu tập tỉnh thức, chứng đắc quả Thánh; (ii) Lối sống tỉnh thức, giữ giới thanh tịnh, tinh tấn, vượt qua nghiện ngập, luôn niệm Phật tỉnh tâm, thiêu hủy tâm tham ái, theo dòng Thánh nhân. (36) Nhóm kỉnh nhiều chủ đề (Tạp tương img) gồm các kinh 980-992, 1241-1245, được đức Phật dạy cho Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả A-nan, Trời Đe-thích, ưu-bà-di Lộc Trụ và chư Tỳ-kheo. Ngài dạy pháp cung kính Tam bảo, thường niệm Phật, Pháp, Tăng, hành pháp bố thì, giữ trọn vẹn năm giới, không còn tâm sợ hãi, được sanh lên cõi trời. Với tâm cung kính Tam bảo, người tu tập thường điều phục tâm5 đay đủ oai nghi, giới thân, định thân, tuệ thân, giải thoát thân, giải thoát tri kiến thân, thành tựu Vô dư Niết- bàn. Đức Phật dạy tàm và quý là hai pháp hộ trì thế gian; 18 ái hành là gốc rễ tái sanh luân hồi; thân khẩu ý bất thiện là pháp đốt cháy khiến chúng sinh đọa lạc cõi dữ; hãy biết đủ và buông bỏ pháp bất thiện, nhất định được lợi ích an lạc. Chương 8: Tám hội chúng (,Bát chúng

tụng) (37) Nhóm kỉnh về Bà-kỳ-xá (Bà-kỳ-xá tương ưng)79 gồm các kinh 993-994, 1208-1221, dạy về: (i) Tâm nhẫn nhục, tâm không đắm nhiễm, không chấp trước, không dính mắc, vượt qua tật bệnh, xa lìa điên đảo, thành tựu giải thoát; (ii) Đức Phật và chư Thánh Tăng làm tự tứ, soi sáng khiếm khuyết về thân, khẩu, ý, được thấy, được nghe, được nghi cho nhau; (iii) Tôn giả Bà-kỳ-xá hết lòng tôn kính Tam bảo, thường dùng tài thi ca để làm kệ tán thán đức Phật và chư Thánh Tăng, tán thán lời pháp vi diệu của đức Phật; ngài cũng làm kệ khởi ý trong khi trải nghiệm tu tập để cảnh tỉnh chính mình đoạn trừ tâm kiêu mạn buông lung, ở nơi rừng vắng, chuyên tinh tu tập, tự thân tác chứng, đạt được Ba minh. (38) Nhóm kinh về thiên tử và thiên nữ (Chư thiên tương ưng)80 gồm các kinh 576-603, 995-1022, 1267-1318. Các VỊ thiên tử thỉnh vấn

77 Quyển ^Hội biên9'()đặt nhóm kinh về tu sĩ ngoại đạo Bà-sa trong chương 7, nhóm kinh 46. 78 Quyển ^Hội biên"()đặt nhóm kinh về tu sĩ ngoại đạo xuất gia trong chương 7, nhóm kinh 47. 79 Quyển "Hbiên"()đặt nhóm kinh về Bà-kỳ-xá trong chương 5, nhóm kinh 24. 80 Quyển ^Hội biM ()đặt nhóm kinh về thiên tử và thiên nữ trong chương 5, nhóm kinh 25.

và được đức Phật dạy về: (i) Sự tu tập thanh tịnh ở nơi a-lan-nh cách tu tập tăng trưởng công đức, cách chế ngự tâm kiêu mạn, nhiếp phục các giác tưởng, các loại phước bố thí, các loại thiện tri thức, hữu dư và vô dư; (ii) Quy luật vô thường, mạng người ngắn ngủi, già bệnh chết luôn đang bức bách, chúng sanh nương vào nghiệp đến đi trong vòng sanh tử; (iii) Triết lý thức và ngủ, đoạn trừ các pháp bất thiện, trì giới thanh tinh, tâm không đắm nhiễm, chánh niệm tỉnh thức đe được tái sanh vào cảnh giới lành, các cõi trời và tu tập thiện pháp, tiến hóa dần, đạt đến quả vi Thánh, thoát vòng sanh tử; (iv) Tấm gương các vị thiên tử Thủ, Vô Phiền, cấp Cô Độc, v.v... lúc còn ở thế gian đã có niêm tin Tam bảo, bô thí cúng dường, giữ giới, biêt đủ? hành các hạnh lành. (39) Nhóm kỉnh về bệnh (? Bệnh tương ưng)8i gồm các kinh 1023- 1038, 1265-Í266, dạy về các tình huống: (i) Các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni và cư sĩ đang bị bệnh nặng, hấp hối được đức Phật đến bên giường bệnh hướng dẫn thực tập "pháp vô ngâT, từ bỏ mọi chấp thủ về thái độ "tôi "dây là sở hữu của tôf\ "đây là tự ngã của t6i", nên vượt qua được sự đau nhức trên thân; nếu người ra đi sẽ được nhẹ nhàng, nhanh chóng tái sanh vào cảnh giới an lành; (ii) Các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni và Phật tử tại gia nhờ thực tập “pháp vô ngã9\ vượt qua đau đớn trên thân, thậm chí chứng đắc quả Thánh. (40) Nhóm kỉnh về nghiệp báo (7 Nghiệp báo tương ưng)81 82 gồm các kinh 1039-106Í, được đức Phật phân tích về các loại hành vi, nhân quả với 3 chiều thời gian, cách vượt qua nghiệp bất thiện, gieo trồng các hạt giống lành, cách chuyển nghiệp để sống hạnh phúc. (41) Nhóm kỉnh về Tỳ-kheo (,Tỳ-kheo tương ưng)83 gồm các kinh 1062-1083, nói về các thành phần xã hội giác ngộ chân lý Phật, phát tâm xuất gia, trở thành Tăng sĩ Phật giáo, sinh hoạt thường nhật và cách thức tu tập Phạm hạnh thanh cao, sống hòa hợp trong Tăng đoàn, giáo hóa mọi người vượt qua khổ đau. (42) Nhóm kỉnh về Ma Ba-tuần (? Ma tương ưng)84 gồm các kinh 1084-1103, nói về: (i) Ma

Ba-tuần thường biến hiện khuấy động, nhiễu loạn đức Phật và các Tỳ-kheo9 gây khó khăn chướng ngại để các Tỳ-kheo sợ hãi, chán nản5 thối chí tu tập, nhưng Ma vương đều bi thất bại; (ii) Đức Phật dạy về sự năm thủ uẩn, sáu xúc nhập xứ, sự tập khởi và sự diệt tận của chúng đe các Tỳ-kheo nhận diện, tu tập, vượt qua các nội ma phiền não và tâm lý tiêu cực, chứng đắc quả Thánh hiện đời.

81 Quyển ^Hội biên"'()đặt nhóm kinh về bệnh trong chương 7, nhóm kinh 50. 82 Quyển "H biên"()đặt nhóm kinh về nghiệp báo trong chương 7, nhóm kinh 51. 83 Quyển ^Hội biên"()đặt nhóm kinh về Tỳ-kheo trong chương 5, nhóm kinh 17. 84 Quyển "H0i biêrf'()đặt nhóm kinh về Ma Ba-tuần trong chương 5, nhóm kinh 18.

Ixxxvi KINH TẠPA-HÀM _____

(43) Nhóm kỉnh về Đế-thích (Đế-thích tương ưng)8586 gồm các kinh 1104-1120,1222-1225, dạy về: (i) Hành trì bảy giới cấm được sanh lên cõi trời Đế-thích, đó là phụng dưỡng cha mẹ, phụng dưỡng các bậc tôn trưởng, lời nói ôn hòa nhu nhuyến, không nói lời thô ác chia rẽ, luôn nói lời chân thật, tâm không bon xẻn, thường hành bố thí cúng dường bình đẳng với tất cả; (ii) Đức Phật khen ngợi Thích-đề-hoàn-nhân thường hành nhẫn nhục, tán thán người thực hành nhẫn nhục, không sân hận, không tranh dấu, không dùng lời thô ác, biết tự phòng hộ, nội tâm thường phản tỉnh. (44) Nhóm kinh về những người họ Thích (Sát-lợi tương ưng)8 gồm các kinh 1121-1123.87 Đức Phật dạy về lợi ích của giữ giới và khuyến khích những người dòng họ Thích thực hành tám trai giới, tùy sức bố thí, tu tập các công đức; dạy cho Thích Nan-đề pháp thăm bệnh; dạy cho Thích Bô-đê hạnh phúc lớn nhát chính là thành tựu niêm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Phật, Pháp, Tăng. (45) Nhóm kỉnh về Vua Ba-tư-nặc (Ba-tư-nặc tương ưng) gồm các kinh 1145-1150, 1226-1240. Đức Phật dạy cho nhà vua về các việc: (i) Gieo vào các ruộng phước tối thượng chính là cúng dường cho các vị Sa- môn? Bà-la-môn đã đoạn trừ hoàn toàn tham dục, sân hận, thụy miên, trạo hối và nghi; (ii) Giáo pháp của Thế Tôn thiết thực hiện tại9 lìa mọi nóng bức, vượt không gian và thời gian, dẫn đến Niết-bàn; (iii) Bốn hạng người trong đời gồm hạng người từ bóng tối vào bóng tối, từ bóng tối ra ánh sáng, từ ánh sáng vào bóng tối, từ ánh sáng ra ánh sáng; bốn việc không nên xem thường là vương tử Sát-lợi nhỏ tuổi, rắn nhỏ, đốm lửa nhỏ và vị Tỳ-kheo nhỏ tuổi; (iii) Phật dạy cho nhà vua cách tri nước bằng chánh pháp, cách tiết độ trong ăn uông, ý thức rõ sự vô thường của các pháp, yêu quý chính mình băng cách giữ gìn thân miệng ý thanh tịnh, cách cúng tế chân chánh, tất cả mang lại lợi ích cho tự thân và tha nhân. (46) Nhóm kinh về Bà-la-môn (Bà-la-môn tương ưng)88 gồm các kinh 88-102, 1151-1Í63, 1Í78-1187.89 Đức Phật dạy cho các Bà-la- mồn Uât-đa-la, Ưu-ba-ca, Uât-xà-ca9 Kiêu Mạn, vê: (i) Hiên dưỡng với cha mẹ? giúp cha mẹ lìa khổ được vui; (ii) Các cách hiến tế đúng pháp mang lại lợi ích cho mình và cho người; (iii) Bốn pháp giúp người tại gia an ổn hạnh phúc trong cuộc sống hiện tại, đó là đầy đủ sự siêng năng, phòng hộ, bạn lành và biết

85 Quyển ^Hội biên"()đặt nhóm kinh về Đế-thích trong chương 5, nhóm kinh 19. 86 Quyển "Hội bn"()đặt nhóm kinh về những người họ Thích trong chương 5, nhóm

kinh 20. 8\Các kinh 1124-Ị135 thuộc nhóm kinh về niềm tin vững chãi. Các kinh 1136-1144 thuộc nhóm kinh ve ngài Đại Ca-diếp. 88 Quyển ^Hội brT ()đặt nhóm kinh về Bà-la-môn trong chương 5, nhóm kinh 2l. 89 Các kinh 1Í64-1165 thuộc nhóm kinh về sáu giác quan. Các kinh 1Í66-1177 thuộc Nhóm kinh về thí dụ.

thăng bằng trong sinh hoạt; (iv) Công đức bố thí, trì giới, các pháp thanh tịnh, sanh thiên, giảng sâu về vị ngọt, sự tai hại, sự xuất ly của các dục, khai thị bốn chân lý Thánh để hành giả bước lên con đường tu tập, đạt được tâm giải thoát hoàn toàn. (47) Nhóm kỉnh về Phạm thiên (,Phạm thiên tương ưng)9091 92 gồm các kinh 1188-1197, nói về: (i) Khi vừa thành đạo chưa bao lâu, đức Phật quán chiếu ai trong chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn9 Bà-la-môn? thiên thần hay người thế gian có đầy đủ giới đức, thiền định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến hơn Ngài để Ngài cung kính, tôn trọng, phụng sự, cúng dường và M A A •

sông nương tựa. Ngài nhận ra răng chỉ có Chánh pháp giúp Ngài tự giác ngộ, thành tựu giác ngộ hoàn toàn, nên Ngài cung kính, tôn trọng, phụng sự, cúng dường và sống nương tựa vào Chánh pháp; (ii) Ngài nhận ra con đường trực tiêp, tịnh hóa chúng sanh, thoát mọi lo buôn, diệt trừ khô não, chứng ngộ Niêt- bàn, đó là bôn niệm xứ; (iii) Phạm thiên vương và các vị Phạm thiên được Phật giáo hóa. (48) Nhóm kỉnh về Tỳ-kheo-ni (Tỳ-kheo-ni tương ưng)9i gồm các kinh 1198-1207,92 thuật lại việc Ma Ba-tuần hóa hiện nhiều thân làm nhiêu loạn thiên định của chư vị Tỳ-kheo-ni: A-lạp-tỳ, Tô-ma, Cát-ly-xá Cù- dàm-di, Liên Hoa sắc, Thi-la, Tỳ-la, Tỳ-xà-da, Giá-la, Ưu-ba-giá-la, Thi-lợi-sa-giá-la. Thế nhung, Ma Ba-tuần hoàn toàn thất bại vì đã bị các vị Thánh Ni nhận ra ác tâm của Ma ngay từ lúc bắt đầu. (49) Nhóm kỉnh về thí dụ (,Thí dụ tương ưng)9394 gồm các kinh 1166-1177, 1246-1264,94 do đức Phật giảng về nhiều ẩn dụ triết học, nhằm giúp người tu học vượt qua thói phàm, tu tập tỉnh thức, song hạnh phúc giữa đời. Các ân dụ nôi bật gôm ân dụ chăn bò, ân dụ nước mưa, ân dụ gia đình trai ít gái nhiêu, ân dụ luyện kim, ân dụ dao nhọn, ân dụ đát trên đâu móng tay, ân dụ người băn cung, ân dụ trông a-năng-ha5 ân dụ mèo chôn. (50) Nhóm kinh về dạ-xoa (,Da-xoa tương ưng)95 gồm các kinh 1319-Í330, dạy về: (i) Cách bố tìíí không tiếc nuối, đại hội hiến tế; (ii) Không oán hận giữa chiến thắng và thất bại; (iii) Không buông thả, hạnh được yêu mến, hạnh cung kính, phước sanh cõi trời; (iv) Cách bảo vệ Tổ quốc và hộ trì thế gian.

90 Quyển "Hội biên"()đặt nhóm kinh về Phạm thiên trong chương 5, nhóm kinh 22. 91 Quyển "Hội biên"()đặt nhóm kinh về Tỳ-kheo-ni trong chương 5, nhóm kinh 23. 92 Các kinh 1208-1221 thuộc nhóm kinh về Bà-kỳ-xá. Các kinh 1222-1225 thuộc nhóm kinh về Đế-thích. Các kinh 1226-1240 thuộc nhóm kinh về Vua Ba-tư-nặc. Các kinh 1241-1245 thuộc nhóm kinh nhiều chủ đề. 93 Quyển ^Hội biên"()đặt nhóm kinh về thí dụ trong chương 7, nhóm kinh 49. 94 Các kinh 1265-1266 thuộc nhóm kinh về bệnh. Các kinh 1267-1318 thuộc nhóm kinh về thiên tử và thiên nữ. 95 Quyển "Hội biên"()đặt nhóm kinh về dạ-xoa trong chương 5, nhóm kinh 26.

(51) Nhóm kỉnh về rừng (Lâm tương ưng)96 gồm các kinh 1331-1362, dạy về: (i) Các vị thần ở trong rừng nhắc nhở hộ trì chư Tỳ-kheo chuyên tinh tu tập, điều phục tham dục, không ham mê ngủ nghí, đoạn trừ tưởng bất thiện, an trú thiền tập, siêng năng tụng lời Phật dạy, giới hạnh đoan chánh, giữ gìn oai nghi tế hạnh, không gần người thế, không dao động trước những lời khen chê, thường hành tứ y pháp; (ii) Chư Tỳ-kheo được sự nhắc nhở của các thiện thần biết tàm quý, nỗ lực tu tập, vượt qua mọi phiền não, đạt được giải thoát, chứng đắc quả vị A-la-hán. Kết luận về nội dung, ngoài những chủ đề về đức Phật lịch sử, vai trò Đạo sư của đức Phật và các học thuyêt quan trọng trong triêt học Phật giáo, Kinh Tạp A-hàm là nguôn dữ liệu phong phú vê những lời dạy nguyên thủy của đức Phật. Với những bài kinh ngắn gọn thuộc nhiều nhóm chủ đề khác nhau và mang tính giáo huấn cao, Kinh Tạp A-hàm đóng vai trò quan trọng trong việc nghiên cứu nền tảng Phật học, giúp hành giả nắm bắt được những lời dạy cốt lõi của đức Phật trong suốt 45 năm truyền bá chân lý. Chung quy lại, Kỉnh Tạp A-hàm chú trọng bốn lĩnh vực sau: (i) Lời dạy về các chủ đề: Năm tổ hợp, sáu giác quan, sáu đối tượng, sáu nhận thức, các cảnh giới sống, pháp an vui trong hiện đời, đời sau và chứng đắc Niết-bàn, v.v... (ii) Pháp tu căn bản: Dùng bốn chân lý Thánh để giải quyết khổ đau. Áp dụng thuyết tương quan vũ trụ, thuyết 12 mắc xích sự sống con người để thấy Sự tương quan vô tận trong cuộc sông. Ưng dụng quán vô ngã đê không khô đau trong vô thường. (iii) Thực hành: Thực hành theo niềm tin, thực hành theo Chánh pháp, bao gồm 37 yếu tố giác ngộ, tu tập trọn vẹn trí tuệ9 đạo dức, thiền định để vượt qua khô đau. (iv) Quả vị chứng đắc: Đi từ chân nhân đến tiệm cận Thánh nhân, bốn quả vị Thánh Thanh văn và quả vị Phật, giác ngộ, giải thoát, kết thúc luân hồi.

Chùa Giác Ngô, ngày 20-8-2022 TT.TS. THÍCH NHẬT TỪ (Đồng Tổng Biên tập Tam tạng Thánh điển PGVN)

96 Quyển 6íHội b'()đặt nhóm kinh về rừng trong chương 5, nhóm kinh 27.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.